

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
MATERIALS – PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY
(COMECO)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022

(01/01/2022 – 31/12/2022)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2023



GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA COMECO

❖ **HOÀI BẢO :**

COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ.

❖ **TÂM NHÌN :**

Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam
(trực chính là xăng dầu)

❖ **SỨ MỆNH :**

Đổi mới phong cách phục vụ trong lĩnh vực hóa dầu.

❖ **BẢN SẮC VĂN HÓA :**

Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống.

❖ **SLOGAN :**

COMECO vì khách hàng phục vụ.

❖ **LOGO :**



- Giọt dầu làm biểu tượng;

- Màu cam thể hiện sự sôi nổi, hưng phấn, sáng tạo trong công việc;

- COMECO = COME + CO (COME nghĩa là đến, CO nghĩa là Công ty) mời gọi mọi người;

- COMECO được đặt trên nền màu cam, trung tâm là hình chiếc chìa khóa, thể hiện sức mạnh, trí tuệ với tầm lòng rộng mở, sẵn sàng hợp tác cùng phát triển;

- Khung hình vuông biểu thị cho sự phát triển bền vững.

❖ **TRIẾT LÝ KINH DOANH :**

Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung.

❖ **THÁI ĐỘ VỚI KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC :**

Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win win.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CÔNG VIỆC :**

Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ĐỒNG NGHIỆP :**

Tôn trọng - Công bằng - Chia sẻ.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ :**

Tin cậy - Công khai - Minh bạch.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI :**

Bảo vệ sức khỏe - Giữ gìn môi trường - Hòa hợp cộng đồng.

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

1. Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống Quản lý Chất lượng theo phương châm “**COMECO vì khách hàng phục vụ**”.

2. Tuân thủ nghiêm các yêu cầu của pháp luật, đặc biệt là các yêu cầu về kinh doanh xăng, dầu.

3. Tập trung mọi nguồn lực để phát triển kinh doanh xăng dầu, làm nền tảng vững chắc cho chiến lược đa dạng hóa ngành nghề.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng mục tiêu “Phát triển - Hiệu quả - Bền vững”.

5. Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, phấn đấu vì mục tiêu chung, vì sự phát triển Thương hiệu COMECO.

Chính sách chất lượng này được quán triệt đến toàn thể người lao động trong Công ty để thấu hiểu và thực hiện.

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cp Vật tư – Xăng dầu
- DNNN : Doanh nghiệp Nhà nước
- CPH : Cổ phần hóa
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- TGD : Tổng Giám đốc
- NLD : Người lao động
- VDL : Vốn điều lệ
- CNXD : Chi nhánh xăng dầu COMECO (Cửa hàng xăng dầu) hạch toán phụ thuộc
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- GTVT : Giao thông vận tải
- HTQTCLTD : Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện: tích hợp 3 hệ thống ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường, hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp; Công cụ 5S và 7 Tiêu chí giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương
- VP : Văn phòng
- CP : Cổ phiếu
- HTKD : Hợp tác kinh doanh
- PCCC : Phòng cháy chữa cháy
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- HOSE : Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- GDP : Tổng sản phẩm quốc nội
- Saigon Petro : Công ty TNHH MTV Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh
- PVOIL : Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
	<i>Mục lục</i>	1
	<i>Thông điệp của Chủ tịch HĐQT</i>	2
Phần 1	THÔNG TIN CHUNG	4
I.	Thông tin khái quát về COMECO	4
II.	Quá trình hình thành và phát triển	5
III.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
IV.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	12
V.	Định hướng phát triển đến năm 2027	13
VI.	Các rủi ro	17
Phần 2	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022	19
I.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022	19
II.	Tổ chức nhân sự	20
III.	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	27
IV.	Tình hình tài chính	28
V.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	29
VI.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	32
Phần 3	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD	35
I.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	35
II.	Tình hình tài chính	37
III.	Những tiến bộ Công ty đã đạt được	38
IV.	Kế hoạch phát triển năm 2023	41
V.	Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán	43
VI.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	43
Phần 4	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	46
I.	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	46
II.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD, các cán bộ quản lý của Công ty	46
III.	Các kế hoạch và định hướng của HĐQT	48
Phần 5	QUẢN TRỊ CÔNG TY	50
I.	HĐQT	50
II.	Ban Kiểm soát	60
III.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và BKS	64
Phần 6	BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022	73
	<i>Hệ thống Chi nhánh xăng dầu COMECO</i>	

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, khách hàng và toàn thể người lao động COMECO!

Trước tiên, thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tôi xin gửi đến Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể người lao động COMECO lời chào, lời cảm ơn chân thành nhất về sự ủng hộ và hợp tác trong suốt thời gian qua.

Kính thưa quý vị!

Năm 2022, trong bối cảnh thế giới phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức về những đứt gãy của chuỗi cung ứng, chuỗi logistics và lạm phát tăng cao. Thị trường xăng dầu trong nước có nhiều diễn biến phức tạp đã tác động không nhỏ đến các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung và COMECO nói riêng. Chúng ta vừa kết thúc một năm đầy biến động bởi những tác động nói trên, trong đó có 2 khó khăn lớn mà Công ty phải đối mặt là khan hiếm về nguồn cung xăng dầu và chiết khấu bán hàng thấp. Mặc dù lợi nhuận sau thuế không đạt chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ đã giao; song doanh thu và các khoản nộp ngân sách đều vượt so với kế hoạch năm 2022; việc làm, thu nhập và các chế độ đối với người lao động được đảm bảo. Điều này cho phép chúng ta có thể tự hào về tất cả những gì mà tập thể cán bộ lãnh đạo, quản lý và người lao động chúng ta đã nỗ lực vì sự phát triển bền vững của COMECO. Ban lãnh đạo trân trọng cảm ơn tâm huyết, nghị lực, cống hiến của tập thể cán bộ và người lao động COMECO trong suốt một năm qua.

Năm 2023, nền kinh tế thế giới vẫn đối diện với nhiều thách thức lớn, trong đó có việc lạm phát vẫn ở mức cao, thắt chặt tiền tệ và giảm tiêu dùng. Nền kinh tế Việt Nam được dự báo là rất khó khăn, tăng trưởng thấp và sức mua giảm sút do xuất khẩu giảm trong nửa đầu năm, thị trường bất động sản ảm đạm, giao dịch thấp. Trong bối cảnh này, COMECO đã luôn trong tâm thế chủ động, sáng tạo, tiếp tục củng cố nội lực, tập trung nâng cấp quản trị và kiên trì nỗ lực hoàn thành các mục tiêu chiến lược năm 2023 như sau:

1. Tập trung phát triển mảng kinh doanh nhiên liệu, tìm kiếm mặt bằng để phát triển chi nhánh bán lẻ xăng dầu; phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; duy trì kinh doanh ổn định và hiệu quả.

2. Đánh giá, điều chỉnh, bổ sung những chính sách phát triển kinh doanh, chính sách đối với các dịch vụ kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế để thu hút khách hàng.

3. Đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh.

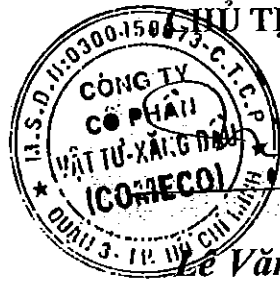
4. Tiếp tục công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đáp ứng được các yêu cầu phát triển của Công ty, đáp ứng nhu cầu thay thế và bổ sung cán bộ. Tiếp tục xây dựng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, ứng xử văn minh, lịch sự.

5. Đảm bảo an toàn và phát triển vốn.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành mong tiếp tục nhận được sự hiệp lực của quý cổ đông, khách hàng và người lao động để COMECO vượt qua khó khăn, thách thức, ổn định và phát triển.

Nhân dịp này, xin kính chúc quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng./.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Văn Nghĩa

Phần I THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ COMECO

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
(COMECO)
MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY**



- | | |
|--------------------------------|--|
| 1. Địa chỉ văn phòng | : 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh |
| 2. Điện thoại | : (028) 38 321 111, 38 302 222, 38 303 222 |
| 3. Fax | : (028) 38 325 555 |
| 4. Email | : comeco@comeco.com.vn |
| 5. Website | : http://www.comeco.com.vn ; www.comeco.vn |
| 6. Giấy CNĐKKD số | : 0300450673, cấp ngày 13/12/2000 |
| 7. Vốn điều lệ | : 141.206.280.000 đồng |
| 8. Vốn chủ sở hữu (31/12/2022) | : 434.737.251.962 đồng |
| 9. Mã Chứng khoán | : COM |
| 10. Ngày niêm yết trên Hose | : 07/8/2006 |
| 11. Ngày thành lập Công ty | : 13/12/1975 |
| 12. Thời điểm cổ phần hóa | : 13/12/2000 |
| 13. Thương hiệu COMECO | : Đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993. |

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Ngày thành lập Công ty: 13/12/1975

Thời điểm CPH: 13/12/2000

2. Thời điểm niêm yết: 07/08/2006

3. Quá trình hình thành Công ty

Qua hơn 46 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau:

3.1. Phòng Quản lý Xăng dầu: Sau 30/4/1975, Sở GTVT Tp.Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.

3.2. Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu: Từ 08/1977 đến 12/1978
(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.3. Xí nghiệp Cung ứng Vật tư: Từ 12/1978 đến 12/1981
(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.4. Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu: Từ 12/1981 đến 10/1992
(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.5. Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO): Từ 10/1992 đến 12/2000
(trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)

3.6. Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO): Từ 12/2000 đến nay

- Từ 01/2001 → 9/2004: COMECO trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Tp.Hồ Chí Minh.

- Từ 10/2004 → 02/2010: COMECO là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO).

Ngày 15/7/2004 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 172/2004/QĐ-UB thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) thí điểm hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, theo đó có 25 công ty trực thuộc Sở Giao thông Công chánh là công ty con và toàn bộ cơ cấu tổ chức của SAMCO trước đây trở thành công ty mẹ. Theo quyết định trên COMECO đã trở thành thành viên của SAMCO kể từ tháng 10/2004 đến tháng 2/2010. Vốn nhà nước do SAMCO nắm giữ vào thời điểm tháng 3/2010 là: 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL 79,999 tỷ đồng), đồng thời SAMCO còn mua thêm 503.060 cp (chiếm 6,29%/VĐL 79,999 tỷ đồng). Như vậy, SAMCO sở hữu cp COM tổng cộng là 1.600.000 cp (20% VĐL)

- Từ 3/2010 đến nay: COMECO trực thuộc Cơ quan Văn phòng Thành ủy Tp.HCM

Theo Quyết định của UBND Thành phố COMECO chuyển về Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) làm đại diện. Vốn của Saigon Petro tại COMECO gồm: vốn Nhà nước được chuyển từ SAMCO 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL) cộng với phần tự mua thêm, tại thời điểm 24/3/2017 tổng cộng Saigon Petro nắm giữ 5.598.757 cp (chiếm 39,65%/VĐL). SAMCO giữ lại phần mua thêm 503.060 cp làm cổ đông chiến lược. Đến tháng 7/2011 SAMCO bán hết toàn bộ cp COM do SAMCO nắm giữ.

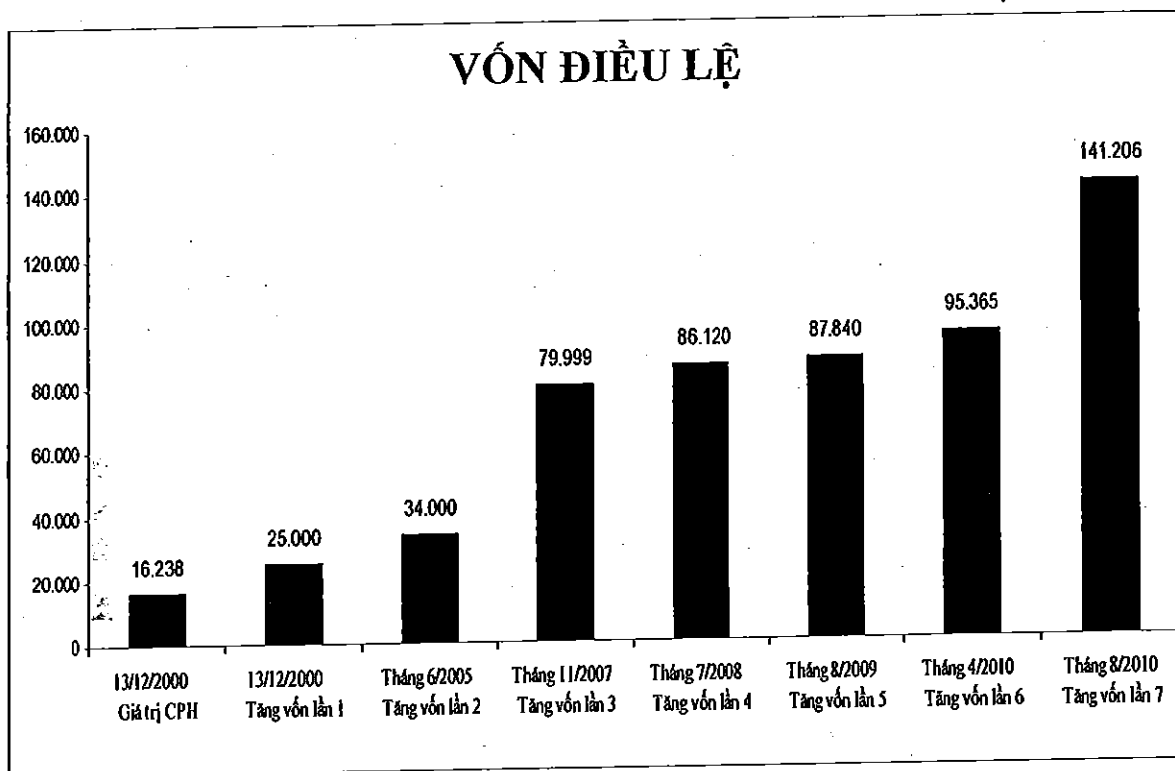
4. Những cột mốc quan trọng của COMECO

- Ngày 10/9/2016: Công ty tổ chức buổi Lễ đón nhận giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản 2015 do tổ chức BVC của Vương Quốc Anh cấp.
- Ngày 13/12/2015: Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty và 15 năm cổ phần hóa.
- Ngày 28/4/2012: ĐHĐCĐ kết thúc nhiệm kỳ III (2007 – 2011) và bước sang nhiệm kỳ mới mà hầu hết các thành viên HĐQT và BKS cũ là các cán bộ kiêm nhiệm của Công ty không còn tham gia vào HĐQT và BKS. Hai cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) sở hữu 4.281.950 cp (30,32%/VĐL) và Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu 3.750.200 cp (26,56%/VĐL) đã cử 4 thành viên tham gia vào HĐQT (2 người/1 đơn vị) và 2 thành viên tham gia vào BKS (1 người/1 đơn vị) nhiệm kỳ IV (2012 – 2016). Đồng thời ĐHĐCĐ đã phê chuẩn việc tách chức danh Chủ tịch HĐQT và TGD. Theo đó, bà Trương Đức Hạnh tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012-2016), ông Lê Tấn Thương được bổ nhiệm làm TGD điều hành của COMECO từ ngày 01/5/2012.
- Ngày 02/4/2011: Chuyển trụ sở làm việc sang Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.
- Ngày 13/12/2010: Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, 10 năm cổ phần hóa với chủ đề: “35 năm - Vinh quang một chặng đường; 10 năm cổ phần hóa - Dấu ấn thành công”.
- Tháng 8/2010: Lễ khánh thành Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.
- Tháng 12/2009: Nhận 2 Giấy chứng nhận: Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 do Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh cấp.
- Tháng 08/2008: Ban hành Giá Trị Cốt Lõi của COMECO gồm 12 thành tố.
- Tháng 12/2007: Nhận Giấy chứng nhận 5S do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp.
- Tháng 10/2004: Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 do BVQI (Vương quốc Anh) cấp.
- Tháng 12/2000: Cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Tháng 07/1988: COMECO đã mạnh dạn đề xuất và được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh cho phép mở cửa các Cửa hàng xăng dầu COMECO để kinh doanh bán lẻ phục vụ nhân dân Thành phố và đã thu được những kết quả mang tính đột phá cho sự phát triển kinh doanh của Công ty theo cơ chế thị trường.

5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

5.1 Vốn điều lệ

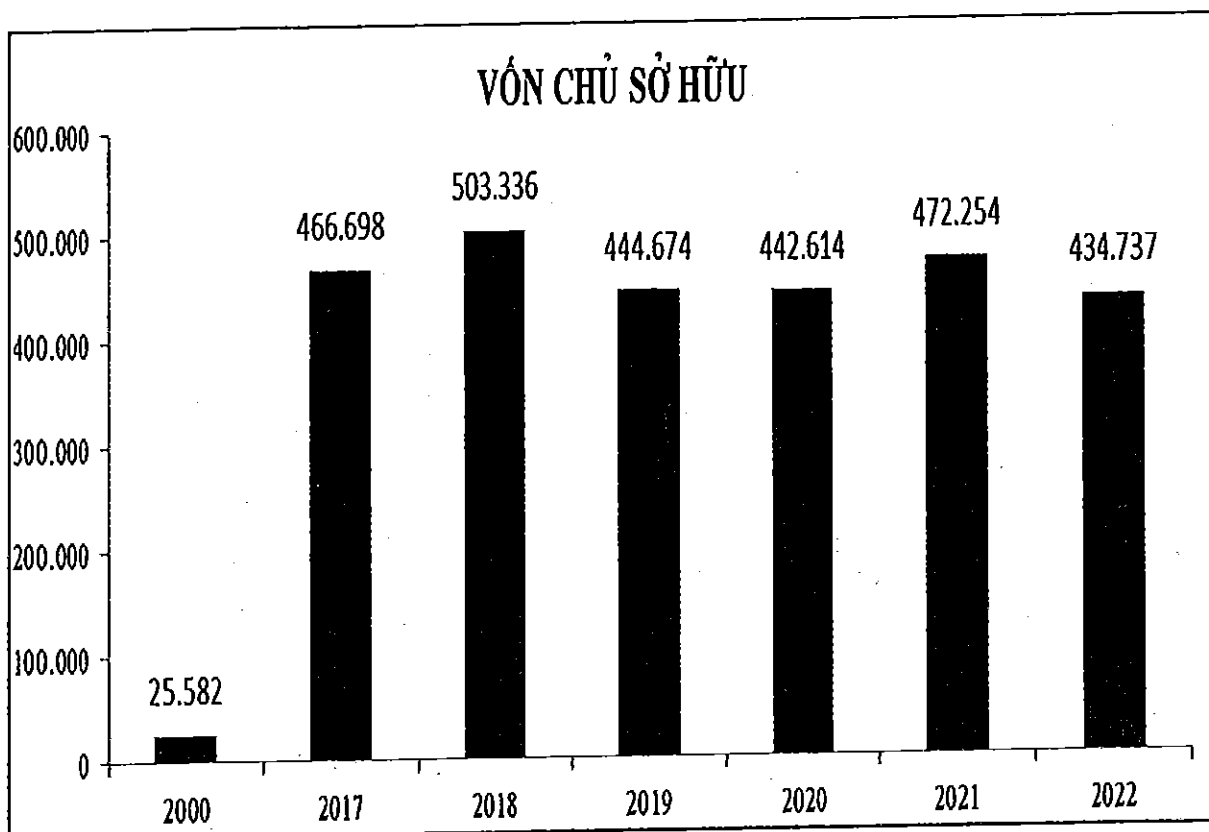
Đơn vị tính: Triệu đồng



Ghi chú: thời điểm Công ty CPH ngày 13/12/2000

5.2 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Triệu đồng



		<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư thiết bị để đẩy mạnh việc bán hàng thanh toán qua thẻ, thanh toán điện tử. - Nghiên cứu sử dụng trụ bơm với các hình thức đa dạng hơn cho thích hợp với từng loại hình CNXD.
CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC	Huấn luyện, đào tạo để tạo sự khác biệt nhằm tăng tính cạnh tranh trong kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo tại chỗ để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. - Xây dựng một nền Văn hóa COMECO mạnh chính là sự khác biệt giữa COMECO với các đối thủ cạnh tranh và là chìa khóa cho sự thành công trong tương lai. - Hệ thống thu thập và xử lý thông tin từ khách hàng, nhà cung cấp, NLD và các bên có liên quan.
	Lao động và tiền lương	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ và có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ. - Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ NLD. - Cải tiến từng bước chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. - Duy trì tốt phong trào thi đua để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác. - Khen thưởng động viên kịp thời đồng thời nâng cao kỷ luật lao động.
CHIẾN LƯỢC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	Quản trị hệ thống chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, 5S và 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo hệ thống được vận hành thông suốt. - Thường xuyên cải tiến để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống.
	Quan tâm lợi ích của các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với khách hàng: Tạo cho khách hàng có cơ hội được phục vụ tốt; nhiều cơ hội lựa chọn sản phẩm, giá cả phù hợp, mua hàng thuận tiện, an tâm về số lượng, chất lượng. Đối với khách hàng chiến lược: đầu tư hỗ trợ khách hàng, chia sẻ khó khăn, lợi ích,.... - Nhà cung ứng: có cơ hội bán được nhiều hàng hơn, gia tăng thị phần, tăng khả năng cạnh tranh. Có cơ hội hợp tác và phát triển dịch vụ mới cùng COMECO. - Cổ đông: Vốn được bảo toàn và phát triển; tiền cổ tức hàng năm.

		<p>- NLĐ: có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống được cải thiện, có cơ hội thăng tiến; được làm việc trong môi trường tốt, được quan tâm bảo vệ sức khỏe.</p> <p>- Cộng đồng dân cư, xã hội: Bảo vệ môi trường sống tốt hơn, làm tăng vẻ đẹp mỹ quan và văn minh đô thị, điều kiện về vật chất và tinh thần cho cộng đồng, làm công tác từ thiện, xã hội...</p>
--	--	--

VI. CÁC RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

- Rủi ro về suy thoái và lạm phát tăng do:

+ Các gói kích thích kinh tế (đưa tiền vào lưu thông).

+ Cuộc xung đột vũ trang Nga – Ukraine kéo dài tiếp tục ảnh hưởng đến nguồn cung hàng hóa đặc biệt là thị trường xăng dầu.

- Nền kinh tế Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn do biến động của thị trường thế giới và các yếu tố địa chính trị, mâu thuẫn giữa các nước lớn, kinh tế thế giới chậm phục hồi.

- Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển, COMECO vẫn phát huy các thế mạnh của mình, đồng thời mở rộng kinh doanh, tiết kiệm các khoản chi phí, không ngừng xây dựng phát triển thương hiệu và văn hóa COMECO nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất phù hợp với tình hình từng thời kỳ để đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

2. Rủi ro pháp luật

- Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO.

- Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu (ngành kinh doanh có điều kiện) về chính sách giá, tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối,... khi có những thay đổi, điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO.

- Chính sách của Nhà nước trong quá trình hội nhập sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài tham gia kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam và các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đều tập trung thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu nên thị trường xăng dầu sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

- Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT và Ban TGD Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ

Xăng dầu là mặt hàng dễ gây cháy nổ và có thể gây thiệt hại lớn nếu có sơ xuất xảy ra trong quá trình bảo quản, vận chuyển, lưu thông. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị hệ thống chữa cháy Foam, hệ thống cảnh báo cháy tại các CNXD, trang bị kiến thức PCCC cho NLĐ và mua bảo hiểm tài sản, cháy nổ, các bảo hiểm rủi ro khác; thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, môi trường,... nhằm đảm bảo an toàn kinh doanh, hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

4. Rủi ro trong ngành xăng dầu:

Hiện nguồn cung xăng dầu nội địa vẫn chưa đủ đáp ứng đủ nhu cầu trong nước nên vẫn phải nhập khẩu từ nước ngoài, chủ yếu từ các nước trong khu vực như Singapore, Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc,...Do đó, giá xăng dầu trong nước vẫn phải chịu ảnh hưởng nhiều từ giá dầu thế giới. Năm 2022, do ảnh hưởng của cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine, thị trường xăng dầu thế giới diễn biến phức tạp, nguồn cung khan hiếm, giá cả xăng dầu biến động với biên độ lớn và thường xuyên, chiết khấu bán hàng thường xuyên duy trì ở mức thấp ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh xăng dầu nói chung và COMECO nói riêng. Để hạn chế rủi ro, COMECO thường xuyên cập nhật tin về giá xăng dầu thế giới, thị trường xăng dầu trong nước để có kế hoạch kinh doanh hiệu quả.

5. Rủi ro tín dụng

Công ty thực hiện bán hàng trả chậm cho khách hàng với hình thức tín chấp, do đó rủi ro đối tác không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính có thể xảy ra. COMECO thường xuyên theo dõi tình hình công nợ và việc thanh toán của khách hàng. Từ đó tiến hành phân loại khách hàng nhằm áp dụng hình thức trả chậm cho phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng quy trình bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc các hình thức đảm bảo bằng tài sản khác, đề nghị khách hàng đặt cọc tiền khi mua hàng nhằm giảm thiểu rủi ro về việc khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thanh toán.

6. Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này, COMECO đã duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời COMECO cũng tìm được nguồn vốn vay lãi suất thấp của các ngân hàng nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho SXKD.

Phần 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2021	KH NĂM 2022	TH NĂM 2022	TH 2022/ KH 2022 (%)	TH 2022/ TH 2021 (%)
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Doanh thu	Trđ	2.659.682	3.500.000	4.815.630	137,59	181,06
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	49.924	37.175	935	2,52	1,87
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	40.195	30.000	1.278	4,26	3,18
4	Nộp NSNN	Trđ	45.019	47.738	37.020	77,55	82,23
5	Cổ tức	%	20	15	15 (*)	100	75

Ghi chú: (*) Cổ tức năm 2022 dự kiến trình ĐHCĐ ngày 14/4/2023 thông qua tỷ lệ 15%.

Nhận xét:

Kinh tế – xã hội năm 2022 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn khi xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine kéo dài; lạm phát duy trì ở mức cao; xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ, tài khóa ở nhiều quốc gia. Trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát; chính sách tiền tệ, tài khóa được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Tốc độ tăng GDP cả năm 2022 đạt 8,02%, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Trong năm 2022, cả nước có 208,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 30,3% so với cùng kỳ năm 2021; bình quân một tháng có 17,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 73,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 34,3% so với năm 2021; gần 50,8 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 5,5%; 18,6 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 11,2%; bình quân một tháng có 11,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. (Theo số liệu của Tổng cục thống kê công bố tại website <https://www.gso.gov.vn>).

Năm 2022 là năm “đi biệt” của thị trường xăng dầu do ảnh hưởng của tình hình địa chính trị thế giới (đặc biệt là cuộc xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine), chi phí kinh doanh xăng dầu tăng vọt nhưng không được điều chỉnh kịp thời vào giá cơ sở dẫn đến nguồn hàng khan hiếm. Mặc dù đã được sự hỗ trợ tích cực từ hai đầu mối lớn (Sài Gòn Petro và PVOIL) nhưng vẫn có những thời điểm thiếu hụt nguồn cung ảnh hưởng đến kinh doanh của Công ty; đặc biệt giai đoạn từ tháng 7/2022 đến tháng 11/2022 nguồn hàng hạn chế trên cả nước. Từ những khó khăn trên, việc kinh doanh của những doanh nghiệp đầu mối xăng dầu cũng có nhiều khó khăn dẫn đến chiết khấu bán hàng cho Công ty thấp. Chiết khấu bán hàng bình quân năm 2022 khoảng 461 đồng/lít, không đạt được theo kế hoạch dự kiến 1.000 đồng/lít và không đủ để bù đắp chi phí bán hàng (chi phí bán hàng 659 đồng/lít).

Giá bán lẻ xăng dầu trong nước được điều chỉnh theo biến động của giá xăng dầu thế giới. Năm 2022, có 34 lần điều chỉnh giá bán lẻ trong nước (16 lần tăng giá; 14 lần giảm giá; 2 lần tăng giá xăng, giảm giá dầu; 02 lần giảm giá xăng, tăng giá dầu).

Nghị định 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu có hiệu lực thi hành từ đầu năm 2022. Với quy định 10 ngày điều chỉnh giá 01 lần, việc quản lý và kinh doanh xăng dầu của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong tình hình giá xăng dầu có sự biến động mạnh khó lường như thời gian qua. Hai nhà đầu mối Sài Gòn Petro và PVOIL thay đổi chính sách bán hàng; chuyển từ bán lô sang bán theo hạn mức hàng ngày nên công tác quản trị hàng tồn kho, đặc biệt là các đợt thay đổi giá bán lẻ xăng dầu theo xu hướng tăng, Công ty rất khó gia tăng lợi nhuận từ việc tăng giá do hàng tồn kho ít.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021; CPI gia tăng đã dẫn đến xu hướng tiết kiệm của người dân nên hoạt động kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn của Công ty gặp khó khăn.

Thị trường chứng khoán trong nước sụt giảm mạnh trong năm 2022 theo xu hướng giảm chung của thị trường chứng khoán thế giới. Điều này cũng tác động nhiều đến giá cổ phiếu và vốn chủ sở hữu của COMECO.

Thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn do lãi suất ngân hàng tăng cao, tín dụng bị siết chặt; quy mô thị trường sụt giảm nên nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các doanh nghiệp xây dựng, đầu tư san lấp mặt bằng,... cũng giảm.

Lãi suất ngân hàng tăng cao trước tình hình lạm phát do giá cả hàng hóa tăng cao. Xu hướng chiếm dụng vốn giữa các doanh nghiệp vẫn có chiều hướng gia tăng, vì vậy Công ty vẫn tiếp tục chủ trương giảm đối tượng bán hàng trả chậm để đảm bảo an toàn kinh doanh.

Tình hình nợ công vẫn ở mức cao, nguồn vốn để đầu tư phát triển kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn, việc giải ngân vốn đầu tư công còn chậm.

Tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát, nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu dần phục hồi và tăng cao; tuy nhiên, nhu cầu có xu hướng giảm trong những tháng cuối năm do nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

Việc phân luồng giao thông, thi công các công trình hạ tầng (cầu, đường), các dự án cải tạo nâng đường chống ngập, thoát nước, việc cấm xe tải lưu thông trong nội đô vào ban ngày, việc quy định nhập xăng dầu ban đêm,... tiếp tục ảnh hưởng đến kinh doanh các chi nhánh xăng dầu (CNXD).

Việc hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đối với các mặt bằng của Công ty chậm do phụ thuộc vào việc xem xét giải quyết của các cơ quan chức năng.

Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: tiền thuê đất, tiền đầu tư cải tạo CNXD, giá các dịch vụ khác như y tế, giáo dục cũng gia tăng. Ngoài ra, trong những tháng đầu năm giá xăng dầu tăng cao nên nhiều khoản chi phí của Công ty cũng tăng cao như chi phí nhiên liệu cho xe bồn, xe tải, xe con của Công ty; chi phí vốn kinh doanh.

Nội bộ đoàn kết. Công ty đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách đối với người lao động (NLĐ). Tuy nhiên, sau đại dịch Covid thì thị trường lao động liên tục biến động, ít nhiều có tác động đến sự ổn định nguồn nhân lực của Công ty.

Tình hình kinh doanh ổn định, các báo cáo tài chính được công bố minh bạch theo đúng quy định. Công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật; các đợt thanh, kiểm tra xăng dầu đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty đều đạt kết quả tốt; luôn đảm bảo đủ lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng, góp phần bình ổn thị trường và trật tự an toàn xã hội.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban Điều hành

1.1. Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành

• Ông Lê Tấn Thương : Ủy viên HĐQT - TGD

Năm sinh : 13/11/1971

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,

Cử nhân Anh văn,

Cử nhân Ngoại thương.

Thâm niên trong ngành : 30 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 30 năm (làm việc tại Công ty từ tháng 6/1993 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 23 năm (từ tháng 10/2000 đến nay)

- Tháng 6/1993 : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu.
- Tháng 7/1996 : nhân viên Phòng Kế hoạch nhiên liệu.
- Tháng 10/1999 : Phó phòng Kế hoạch nhiên liệu.
- Tháng 10/2000 : Quyền Trưởng phòng Kinh doanh nhiên liệu.
- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD
- Tháng 5/2012 : TGD cho đến nay.
- Tháng 4/2017 : Ủy viên HĐQT kiêm TGD cho đến nay.

▪ Ông Phạm Văn Khoa : Phó TGD

Năm sinh : 05/5/1973

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng kỹ thuật công trình.

Thâm niên trong ngành : 26 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 24 năm (làm việc tại Công ty từ tháng 7/1999 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 19 năm (tháng 07/2004 đến nay)

- Tháng 7/1999 : nhân viên Phòng Kỹ Thuật.
- Tháng 5/2001 : Quyền Đội trưởng Đội xây dựng cơ bản
- Tháng 7/2004 : Trưởng ban xây dựng cơ bản.
- Tháng 4/2005 : Giám đốc Đầu tư (Phòng Đầu tư - Xây dựng).
- Tháng 4/2006 : Ủy viên Ban Kiểm soát cho đến tháng 4/2012.
- Tháng 4/2013 : Phó TGD cho đến nay

▪ Ông Nguyễn Chơn Quang : Phó TGD

Năm sinh : 12/7/1982

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Thâm niên trong ngành : 13 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 13 năm (làm việc tại Công ty từ tháng 7/2010 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 11 năm (tháng 08/2012 đến nay)

- Tháng 7/2010 : nhân viên Phòng Kinh doanh.
- Tháng 4/2011 : Trợ lý Ban TGD.
- Tháng 4/2012 : Trợ lý TGD.
- Tháng 8/2012 : Quyền Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 1/2013 : Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 2/2015 : Phó TGD kiêm GD Kinh doanh.
- Tháng 1/2016 : Phó TGD cho đến nay.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2020	TH NĂM 2021	TH NĂM 2022	TỶ LỆ (%)	
						2022/2021	2022/2020
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Tổng tài sản	Tr.đ	498.602	535.099	526.040	98,31	105,50
2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	442.614	472.254	434.737	92,06	98,22
3	Vốn điều lệ	Tr.đ	141.206	141.206	141.206	100	100
4	SLCP đang lưu hành	Cp	14.120.628	14.120.628	14.120.628	100	100
5	Doanh thu thuần	Tr.đ	2.899.292	2.659.682	4.815.630	181,06	166,10
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	38.579	46.641	758	1,62	1,96
7	Lợi nhuận khác	Tr.đ	7.627	3.282	178	5,42	2,33
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	46.206	49.924	935	1,87	2,02
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	37.036	40.195	1.278	3,18	3,45
10	Tỷ lệ trả cổ tức	%	20	20	15	75	75
11	Lãi cơ bản trên cp (9/4)	Đồng	2.587	2.810	54	1,92	2,09
12	Giá trị cổ phiếu trên sổ sách (2/4)	Đồng	31.345	33.444	30.787	92,06	98,22

Ghi chú:

- Số liệu kiểm toán: đến hết năm 2022; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2021.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2020	TH 2021	TH 2022	TỶ LỆ (%)	
						2022/2021	2022/2020
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	4,33	4,68	3,03	64,79	69,99
1.2	Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	2,42	2,61	1,77	67,97	73,08
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	Lần	0,11	0,12	0,17	147,78	154,57
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	Lần	0,13	0,13	0,21	157,82	166,03
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
3.1	Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	26	27	47	172,08	177,84
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	5,81	4,97	9,15	184,18	157,43
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,28	1,51	0,03	1,76	2,08
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	8,37	8,51	0,29	3,46	3,51
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	7,43	7,51	0,24	3,24	3,27
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,33	1,75	0,02	0,90	1,18

Nhận xét:

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh: khả năng thanh toán nợ được đảm bảo; cơ cấu tài sản (44,49% là tài sản ngắn hạn và 55,51% là tài sản dài hạn) phù hợp với loại hình công ty thương mại; các khoản đầu tư dài hạn đều được tài trợ từ nguồn vốn dài hạn nên khả năng thanh khoản được kiểm soát tốt; khả năng tạo lợi nhuận tốt.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

1.1. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 13/6/2022:

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYÊN NHƯỢNG
1	Cổ phiếu thường	14.120.628	
2	Cổ phiếu quỹ	0	
	TỔNG CỘNG	14.120.628	

Ghi chú: Thời điểm chốt danh sách cổ đông 13/6/2022 là thời điểm gần thời gian Công ty lập báo cáo thường niên nhất.

1.2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2022: 14.120.628 cp

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31/12/2022:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{434.737.251.962 \text{ đồng}}{14.120.628 \text{ cp}} = 30.787 \text{ đồng/cp}$$

Giá trị sổ sách năm 2022: 30.787 đồng/cp bằng 92,06% so với năm 2021: 33.444 đồng/cp

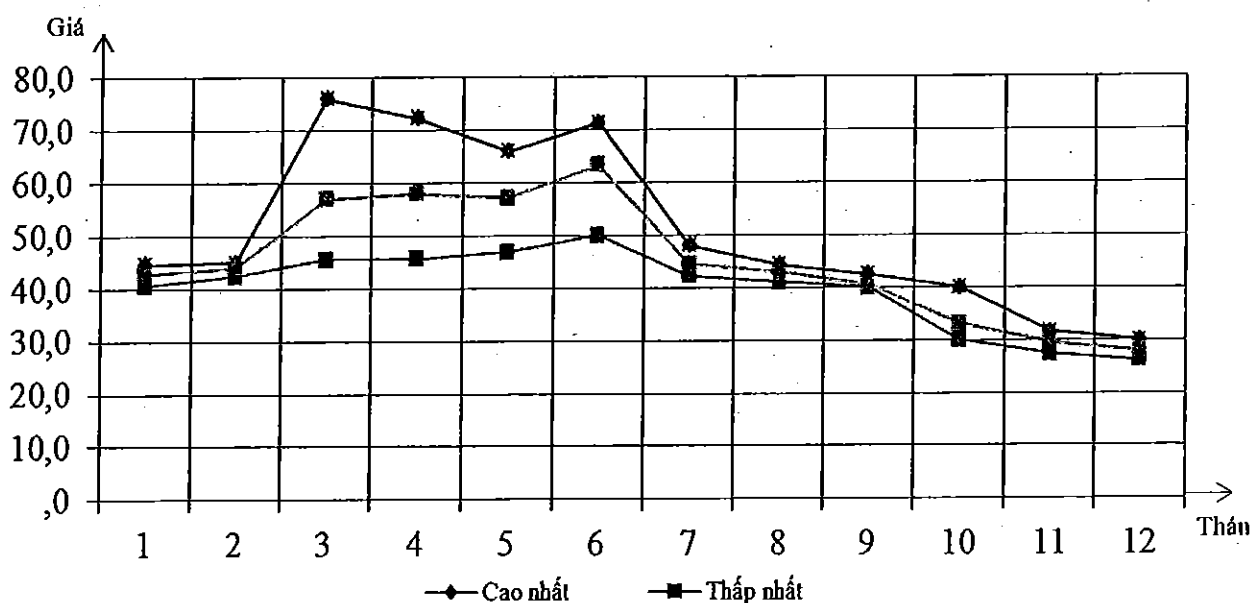
1.4. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2022:

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2022

ĐVT: ngàn đồng

THÁNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	CẢ NĂM
Cao nhất	44,65	45,00	76,00	72,30	66,00	71,40	48,00	44,40	42,50	40,00	31,60	30,00	76,00
Thấp nhất	40,50	42,35	45,50	45,70	46,90	50,00	42,20	41,10	40,00	30,00	27,40	26,20	26,20
Trung bình	42,83	44,06	57,00	58,11	57,21	63,34	44,54	42,92	40,68	33,15	29,63	27,96	45,03

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2022



2. Cơ cấu cổ đông

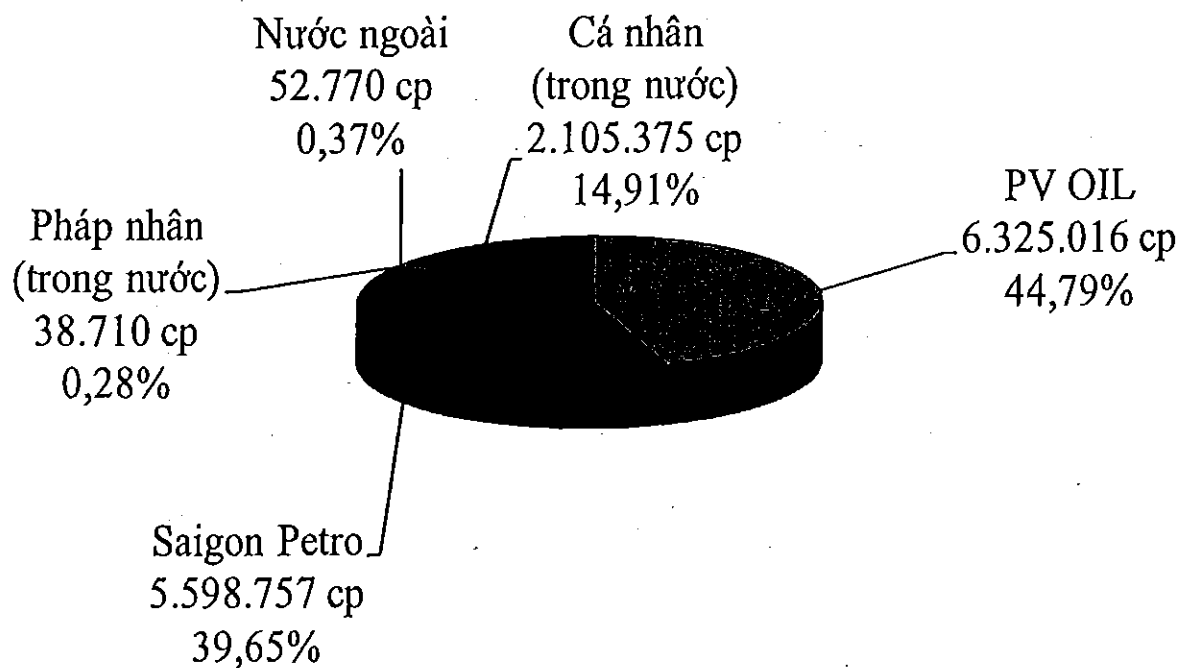
2.1. Cổ đông trong nước và nước ngoài

SỐ TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 23/3/2021			THỜI ĐIỂM 13/6/2022			TỶ LỆ (%)
		SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7(5/2)
I	Cổ đông trong nước	345	14.064.058	99,60	362	14.067.858	99,63	100,03
1	Pháp nhân	11	11.945.513	84,60	17	11.962.483	84,72	100,14
1.1	PVOIL	1	6.325.016	44,79	1	6.325.016	44,79	100
1.2	Saigon Petro	1	5.598.757	39,65	1	5.598.757	39,65	100
1.3	Khác	9	21.740	0,15	15	38.710	0,27	178,06
2	Cá nhân	334	2.118.545	15,00	345	2.105.375	14,91	99,38
II	Cổ đông nước ngoài	61	56.570	0,40	59	52.770	0,37	93,28
1	Pháp nhân	4	11.670	0,08	5	12.470	0,09	106,86
2	Cá nhân	57	44.900	0,32	54	40.300	0,29	89,76
	TC (I + II)	406	14.120.628	100	421	14.120.628	100	100

Ghi chú: Thời điểm chốt danh sách cổ đông 13/6/2022 là thời điểm gần thời gian Công ty lập báo cáo thường niên nhất.

2.2. Tỷ trọng cổ phiếu COM

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM (Tại thời điểm 13/6/2022)



2.3. Cổ đông lớn

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 100.000 CP COM TRỞ LÊN (Tại thời điểm 13/6/2022)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 23/3/2021		TĂNG GIẢM (cp)	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 13/6/2022	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+3)	5
1	Tổng Cty Dầu Việt Nam Cty TNHH MTV (PVOIL)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	6.325.016	44,79	0	6.325.016	44,79
2	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh	Dầu khí	5.598.757	39,65	0	5.598.757	39,65
3	Ông Nguyễn Nam Hải	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, Tp.HCM	Trưởng CNXD số 01 COMECO	283.670	2,01	35.400	319.070	2,26
4	Ông Lê Tấn Thương và người có liên quan	318/1A Cách Mạng Tháng Tám, P.10, Q.3, Tp.HCM	UV HĐQT - TGD COMECO	200.380	1,42	9.900	210.280	1,49
5	Ông Trần Nguyễn Anh	611/8B Điện Biên Phủ, P.1, Q.3, Tp.HCM	Trưởng CNXD số 12 COMECO	136.460	0,97	10.000	146.460	1,04
6	Bà Trương Đức Hạnh	835/17 Trần Hưng Đạo, P.1, Q.5, Tp.HCM	Nguyên CT HĐQT	136.250	0,96	0	136.250	0,96
7	Ông Hà Thanh Hùng	117 Trương Định, P.7, Q.3, Tp.HCM	Cổ đông ngoài	102.570	0,73	0	102.570	0,73
TỔNG CỘNG				12.783.103	90,53	55.300	12.838.403	90,92

Ghi chú: Cổ đông lớn theo quy định của Luật chứng khoán là cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu của Công ty trở lên. Theo quy định này thì Công ty hiện có 2 cổ đông lớn là PVOIL và Saigon Petro.

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2022: không có

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5. Chi cổ tức: năm 2022 Công ty chưa thực hiện

6. Các chứng khoán khác

6.1 Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2022

(Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TÒN ĐẦU KỲ (cp)	MUA		BÁN		TÒN CUỐI KỲ	
				SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I	Cổ phiếu đã niêm yết		980.078					980.078	17.346.704
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	356.256					356.256	4.637.520
2	Cty cp Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	16.013					16.013	46.600
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942					176.942	3.989.625
4	Cty cp Thương mại XNK Thủ Đức	TMC	264.752					264.752	5.775.685
5	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	5.000					5.000	87.500
6	Cty cp Cà phê Petec	PCF	43.800					43.800	444.000
7	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec	PEG	99.675					99.675	2.093.175
8	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định	PND	17.640					17.640	272.599
II	Cổ phiếu chưa niêm yết		2.400.000					1.400.000	14.000.000
1	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000					200.000	2.000.000
2	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000					1.000.000	10.000.000
3	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000					200.000	2.000.000
4	Cty Cp Vận tải X.dầu Dầu khí Việt Nam		1.000.000			1.000.000	15.304.000.000		
TỔNG CỘNG			3.380.078			1.000.000	15.304.000.000	2.380.078	31.346.704

+ Tổ chức đánh giá 39 đơn vị, kiểm tra được 79 lượt xe bồn. Kết quả có 71 điểm nhận xét, đến nay đã khắc phục. Sau mỗi đợt đánh giá đều có chỉ đạo các đơn vị thực hiện hành động khắc phục.

+ Kết quả kiểm tra, đánh giá của các cơ quan chức năng về PCCC, sử dụng cột đo, chất lượng xăng dầu, hồ sơ pháp lý, ... đều đạt yêu cầu.

- Các quy định về tiết kiệm, về dân chủ, về đối thoại được duy trì thường xuyên. Công ty thực hiện đối thoại tại nơi làm việc theo đúng quy định của pháp luật và tiếp nhận nhiều ý kiến góp ý cho hoạt động của Công ty. Các ý kiến góp ý, phản ánh đã được chỉ đạo giải quyết kịp thời và những góp ý có tính mới, tính hiệu quả đã được công nhận là giải pháp mới và khen thưởng kịp thời. Năm 2022, có 13 ý tưởng được công nhận là giải pháp mới được khen thưởng, mang lại lợi ích cho Công ty.

- Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, không để xảy ra nợ xấu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn cháy nổ được đảm bảo. Năm 2022, Công ty được Công an TPHCM tặng giấy khen và thưởng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giai đoạn 2020-2022.

- Qua tổng kết cuối năm 2022, Công ty đã khen thưởng và đề nghị khen thưởng nhiều hạng thành tích gồm có:

+ Về tập thể: 06 tập thể được đề nghị tập thể lao động xuất sắc, 02 tập thể được đề nghị tặng Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố, 10 tập thể được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 33 tập thể lao động tiên tiến, 23 tập thể đạt Giấy khen Công ty và 02 tập thể đạt biểu dương của Công ty.

+ Về cá nhân: 24 cá nhân được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 25 cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở, 103 cá nhân đạt Giấy khen Công ty và 46 cá nhân đạt biểu dương của Công ty.

- Ban Lãnh đạo Công ty luôn có sự động viên khen thưởng kịp thời, đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần để NLĐ yên tâm phục vụ. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ. Mặc dù kinh doanh có nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn cố gắng đảm bảo việc làm và đời sống NLĐ.

- 100% NLĐ được thực hiện đầy đủ các quyền lợi và chế độ, không có trường hợp khiếu nại về chế độ chính sách. Các khoản chi lương, chi BHXH (ốm đau, thai sản, ...) và các chính sách khác được đảm bảo kịp thời. 100% NLĐ được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và đúng quy định. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho NLĐ theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngoài sự quan tâm về vật chất, Ban lãnh đạo Công ty còn tổ chức gặp gỡ và tặng quà cho NLĐ nữ tại Vũng Tàu nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; tặng quà cho NLĐ nữ nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; tặng quà cho cựu quân nhân nhân ngày 22/12.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ. Cấp phát đồng phục bảo hộ lao động cho NLĐ đúng quy định về thời gian.

- Môi trường làm việc được đảm bảo; các yếu tố môi trường được quan tâm, kết quả số liệu đo đạt về môi trường làm việc đều nằm trong giới hạn quy định.

- Công tác thông tin, báo cáo, quyết toán hàng kỳ đều được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của các cơ quan ban, ngành đồng thời đáp ứng được thông tin cho điều hành kinh doanh hiệu quả. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố tại website Công ty theo địa chỉ www.comeco.vn và được trình bày trước ĐHĐCĐ thường niên hàng năm. Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2023

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

- Doanh thu : 4.000 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 15 tỷ đồng

Số liệu chỉ tiêu kế hoạch trên đây chỉ là số liệu tạm thời, số liệu chính thức sẽ trình để cổ đông thông qua tại kỳ ĐHCĐ thường niên năm 2023.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa cung ứng ra thị trường; nâng cao chất lượng dịch vụ đặc biệt là dịch vụ bán lẻ tại các CNXD, thực hiện tốt chuẩn Quy trình bán hàng tại CNXD; chính sách bán hàng, hỗ trợ đầu tư, phát triển dịch vụ thanh toán bằng thẻ, ví điện tử, bán hàng thông qua chương trình khách hàng thành viên PVOIL để giữ và thu hút khách hàng. Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các CNXD cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

- Duy trì và phát triển hệ thống mạng lưới các CNXD bằng cách đàm phán kéo dài thời hạn hợp đồng thuê, hợp tác kinh doanh cửa hàng bán lẻ xăng dầu hiện hữu; hợp tác, đầu tư kinh doanh cửa hàng xăng dầu dưới nhiều hình thức. Khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân giới thiệu được địa điểm phù hợp để Công ty phát triển cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

- Duy trì ổn định và phát huy hiệu quả hệ thống khách hàng đại lý và khách hàng nhận quyền bán lẻ xăng dầu. Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng để tăng sản lượng và thị phần; đồng thời tăng cường dịch vụ hậu mãi để giữ và thu hút khách hàng. Đẩy mạnh việc bán hàng trả ngay, giảm dần bán hàng trả chậm.

- Tập trung tìm kiếm khách thuê văn phòng, kho bãi để lấp đầy diện tích trống Tòa nhà COMECO và các mặt bằng còn trống của Công ty; duy trì khai thác cho thuê 100% diện tích Kho Thủ Đức.

- Thực hiện tốt công tác mua hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, hạn chế rủi ro khi thị trường biến động.

- Hợp tác kinh doanh các trạm sạc xe điện tại các CNXD.

- Duy trì chính sách thưởng cho các đơn vị, cá nhân tìm kiếm khách hàng mới có khả năng thanh toán tốt; giới thiệu cây xăng, địa điểm xây dựng cây xăng; thuyết phục khách hàng chuyển từ trả chậm sang trả ngay.

2.2. Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển khoa học công nghệ

- Tiếp tục đa dạng hình thức thanh toán, đẩy mạnh hình thức thanh toán qua các loại thẻ ngân hàng, thanh toán điện tử. Nghiên cứu phát triển kinh tế số.

Tiếp tục đầu tư máy móc, trang thiết bị công nghệ cao để phục vụ cho kinh doanh, quản lý và đảm bảo an toàn PCCC.

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyển hướng đầu tư tại một số mặt bằng.

- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm tin học nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Tiếp tục triển khai áp dụng giải pháp mới để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.3. Nhóm giải pháp về nguồn lao động và tiền lương

- Tăng cường công tác đào tạo tại chỗ và mở rộng kiến thức đối với cán bộ quản lý, cán bộ trẻ. Cải tiến công tác đào tạo, chú trọng hình thức đào tạo thực hành tại chỗ.
- Tăng cường thông tin nội bộ và trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.
- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. Khen thưởng động viên kịp thời NLD.
- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ. Rà soát nâng cao hiệu quả sử dụng cán bộ, chuyên viên, NLD. Nâng cao việc bố trí, sắp xếp lao động, công việc cho hợp lý hơn nữa.
- Phát huy hơn nữa vai trò các đoàn thể để phát triển phong trào thi đua nhằm nâng cao năng suất lao động và phát huy dân chủ cơ sở và phát triển Văn hóa, Thương hiệu. Đồng thời, phát huy vai trò xung kích, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi Công ty có nhu cầu, hỗ trợ các đơn vị trong tình hình dịch bệnh hoặc các trường hợp bất khả kháng khác.

2.4. Nhóm giải pháp về quản lý

- Quán triệt các quy định, chính sách đến từng NLD để NLD hiểu và thực hiện tốt. Lãnh đạo ổn định tư tưởng NLD. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho NLD. Thực hiện tốt việc quản lý và động viên NLD, đoàn kết nhất trí trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện; xây dựng nền văn hóa Công ty mạnh để thu hút và giữ chân nhân viên giỏi.

- Phân công bố trí ca kíp hợp lý; duy trì bán hàng giờ cao điểm (cán bộ quản lý các CNXD phải có mặt tại khu vực trụ bom trong các giờ cao điểm để giúp đỡ, động viên nhân viên bán hàng và kịp thời giải quyết các tình huống phát sinh) không để xảy ra tình trạng ùn tắc làm ảnh hưởng đến kinh doanh. Tăng cường dịch vụ hậu mãi. Thực hiện triệt để nói lời “cảm ơn” khách hàng trong toàn Công ty.

- Duy trì Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện. Tăng cường công tác đánh giá nội bộ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, quy trình, hướng dẫn công việc; tiếp tục thực hiện các công việc để hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể COMECO; đồng thời rà soát, chỉnh sửa các Quy định về quản lý cho phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh.

- Quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh và công nợ. Xử lý thông tin kịp thời để có quyết định kinh doanh phù hợp nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Quản lý chặt chẽ công tác phòng cháy và huấn luyện thường xuyên công tác chữa cháy để đảm bảo an toàn kinh doanh. Đảm bảo công tác đo lường, PCCC, chất lượng, số lượng hàng hóa bán ra theo đúng quy định.

- Duy trì và phát triển các phong trào thi đua trong sản xuất kinh doanh, thi đua thực hành tiết kiệm, thi đua phát ý tưởng mới (SK, GPM,...).

- Thực hiện tốt trách nhiệm cộng đồng để làm tốt công tác chính sách xã hội và kết hợp quảng bá phát triển thương hiệu COMECO.

Năm 2023, tình hình kinh doanh xăng dầu được dự báo vẫn tiếp tục biến động khó lường. Nhưng với truyền thống đoàn kết và tinh thần vượt khó cùng hướng về mục tiêu chung của Công ty, nhất định tập thể NLD Công ty COMECO sẽ vượt qua được khó khăn, thử thách để thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch và phát triển thương hiệu COMECO thực sự là thương hiệu của Chất lượng dịch vụ.

V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

BCTC năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán. AASCS thống nhất toàn bộ nội dung, không có ý kiến ngoại trừ hoặc ý kiến lưu ý nào đối với BCTC năm 2022 do Công ty lập và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số: 63/BCKT/TC/2023/AASCS ngày 02/3/2023 (đính kèm bên dưới).

VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Bảo vệ môi trường

Một trong mười hai nội dung giá trị cốt lõi của COMECO là tiêu chí: Thái độ đối với cộng đồng xã hội. Nội dung của tiêu chí này là: “*Bảo vệ sức khỏe – Giữ gìn môi trường – Hòa hợp cộng đồng*”. Giá trị này được xuất phát từ cái tâm của các nhà quản trị và NLD Công ty hướng đến sự an toàn và phát triển bền vững. Điều đó được thể hiện qua các nội dung công việc cụ thể như sau:

- Đường ống xả dầu của các CNXD COMECO được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn an toàn, có bể thu gom chất thải xả dầu trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố đảm bảo môi trường đất, nước, không khí tại CNXD COMECO.

- Các CNXD của COMECO đều có cây xanh góp phần thực hiện phong trào “**Cửa hàng Xăng dầu COMECO: Xanh hơn – Đẹp hơn**” do Công ty phát động từ tháng 5/2011, đồng thời góp phần giảm bớt lượng khí phát thải ra môi trường.

- Tất cả các CNXD của COMECO đều được kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của Sở Tài Nguyên Môi Trường Tp.Hồ Chí Minh.

- Hàng năm các CNXD đều được Phân viện Bảo hộ Lao động phía Nam đo kiểm tra môi trường, kết quả các tiêu chí đều nằm trong giới hạn cho phép.

- COMECO có thủ tục về quản lý môi trường Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001 : 2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001 : 2007. Định kỳ hoặc đột xuất có kiểm tra đánh giá nội bộ.

- Bên cạnh đó, nhằm góp phần vào việc chống biến đổi khí hậu, toàn Công ty COMECO (Tòa nhà COMECO và hệ thống các CNXD) đã hưởng ứng Giờ trái đất, tắt bớt các thiết bị chiếu sáng, quảng cáo, sử dụng dần các thiết bị ít tiêu hao nhiên liệu, năng lượng và thân thiện với môi trường. Qua đó, NLD Công ty nâng cao được ý thức tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm đối với NLD

- COMECO luôn xem NLD là vốn quý nên NLD ngoài việc được hưởng đầy đủ các chế độ về lao động và tiền lương theo quy định của Nhà nước; Công ty còn có những đãi ngộ riêng theo Thỏa ước Lao động Tập thể; môi trường và điều kiện làm việc luôn được an toàn.

- Các chế độ đối với NLD được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về lao động và tiền lương. Ngoài ra, Công ty cũng ban hành các quy định, quy chế để bảo vệ lợi ích cho NLD như: Quy định đón tiếp nhân viên mới, Quy định trợ cấp thêm khi nghỉ hưu, Quy định về tổ chức sinh nhật cho NLD Công ty, Quy định chế độ đối với NLD đi thi hành nghĩa vụ quân sự, Quy định hoạt động của nhà ăn tập thể, Quy định chế độ cho NLD làm việc nơi xa, Quy chế đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho NLD Công ty, Quy chế thực hiện đối thoại định kỳ tại Công ty, Quy chế thực hiện dân chủ tại Công ty nhằm thực hiện các chế độ cho NLD một cách ổn định.

- Ngoài việc thực hiện các nội dung của Quy chế dân chủ, Công ty còn lập hòm thư nhằm tiếp nhận các phản ánh của NLD, đồng thời vào thứ hai tuần cuối hàng tháng TGD cũng sắp xếp lịch để tiếp NLD.

- Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với NLD đặc biệt đối với lao động nữ: ưu tiên cho lao động nữ không phải bán xăng dầu vào ban đêm; tổ chức các buổi Hội thảo, Hội thi cho nữ NLD Công ty chào mừng Ngày quốc tế Phụ nữ 08/03 và Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức nghỉ dưỡng hàng năm,... Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo điều kiện cho lao động nữ tham gia công tác quản lý. Tính đến 31/12/2022 có 13 lao động nữ từ trường phó đơn vị trở lên trong đó có 03 lao động nữ được tiếp tục quy hoạch ở vị trí cao hơn.

Đồng thời khuyến khích, động viên NLD tham gia học tập theo định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty; luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện:

“Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống”

3. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Ngoài việc thăm hỏi tặng quà cán bộ hưu trí, tặng quà cho thiếu nhi là con của NLD Công ty, Công ty còn hỗ trợ NLD Công ty mắc bệnh hiểm nghèo; đồng thời, Công ty cũng thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội như: hỗ trợ kinh phí chăm lo Tết Nhâm Dần cho các trung tâm từ thiện xã hội, hỗ trợ phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ Quỹ “Vì biển đảo quê hương – Vì tuyến đầu tổ quốc năm 2022”, với tổng số tiền là 96.384.500 đồng.

Những việc làm trên của Công ty là thái độ của COMECO đối với cộng đồng và xã hội được thể hiện trong Giá trị cốt lõi của COMECO:

“Bảo vệ sức khỏe – Giữ gìn môi trường – Hòa hợp cộng đồng”

4. Đối với khách hàng và đối tác

Thái độ của COMECO đối với khách hàng và đối tác là:

“Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win Win”

Với phương châm kinh doanh *“COMECO vì khách hàng phục vụ”*, COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia. Hàng năm, Công ty đều tiến hành thu thập đánh giá mức độ thỏa mãn của khách hàng thông qua phiếu tìm hiểu ý kiến khách hàng và luôn đạt mức thỏa mãn tương đối cao, cụ thể như sau :

+ **Chất lượng:** Trên 90% khách hàng nhận xét tốt về chất lượng sản phẩm dịch vụ.

+ **Thời gian giao hàng:** 100% khách hàng nhận xét thời gian giao hàng kịp thời và tương đối kịp thời.

+ **Phương thức giao hàng:** 100% khách hàng nhận xét phương thức giao hàng rất thuận lợi và thuận lợi.

+ **Giá cả:** 100% khách hàng nhận xét hợp lý về tiêu chí giá cả.

+ **Phương thức thanh toán:** 100% khách hàng nhận xét phương thức thanh toán phù hợp và tương đối phù hợp.

+ **Nhận xét về thương hiệu COMECO:** 100% khách hàng nhận xét thương hiệu COMECO từ mức khá trở lên.

Ngoài ra, Công ty còn lập đường dây nóng 24/24 số 38.300.222 để tiếp nhận các phản hồi của khách hàng. Lãnh đạo Công ty luôn trân trọng ghi nhận các ý kiến đóng góp; đồng thời cam kết bảo mật thông tin của khách hàng khi đóng góp ý kiến.

Bên cạnh đó, văn hóa “*COMECO nói lời cảm ơn khách hàng*” luôn được hầu hết NLD tích cực thực hiện. Mục đích muốn gửi đến khách hàng sự trân trọng, lòng biết ơn sâu sắc đã tin dùng những sản phẩm và dịch vụ của COMECO.

5. Đối với cổ đông và nhà đầu tư

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ:

“Tin cậy - Công khai - Minh bạch”

Công ty luôn tuân thủ quy định công bố thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Tất cả các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trên website của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và website của Công ty.

Chính sách trả cổ tức các năm luôn được thực hiện đầy đủ.

*

* *

Tóm lại, vì lợi ích của các bên liên quan COMECO đặt ra mục tiêu, cam kết duy trì và thực hiện tốt hơn các nội dung nêu trên với triết lý kinh doanh:

“Đại gia đình COMECO –

Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”

Với tất cả các tiêu chí trên, COMECO luôn cam kết mang đến cho NLD, khách hàng, đối tác, cộng đồng những sản phẩm dịch vụ tốt nhất, môi trường làm việc tốt nhất. Bên cạnh mục tiêu kinh doanh COMECO cũng đồng thời quan tâm đến môi trường và cộng đồng nhằm góp phần cải tạo và xây dựng môi trường sống tốt đẹp hơn.

Phần 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2022, HĐQT của Công ty đã tổ chức 31 phiên họp HĐQT để đề ra các chủ trương, định hướng đúng đắn; nghị quyết và quyết định phù hợp nhằm kịp thời chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty.

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết ĐHĐCĐ đảm bảo tính minh bạch.

HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD, cho cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

HĐQT thực hiện đầy đủ các chức năng theo quy định của Điều lệ, giám sát tốt hoạt động của Ban Điều hành.

Hoạt động của Công ty năm 2022 có nhiều khó khăn do các tác động khách quan; trong đó, có 2 khó khăn lớn mà Công ty phải đối mặt là nguồn cung xăng dầu khan hiếm và chiết khấu bán hàng thấp (có những thời điểm chiết khấu bán hàng bằng 0 hoặc có cũng không đủ để bù đắp chi phí); nhưng HĐQT và Ban TGD đã nắm vững tình hình thị trường và điều kiện kinh doanh của Công ty, đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp nên kinh doanh của Công ty tương đối ổn định, việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

1. Giám sát hoạt động của Ban TGD

Căn cứ vào Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO), HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban TGD trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT năm 2022 như sau:

1.1. Phương thức giám sát:

- Để thực hiện tốt công tác quản lý và chức năng giám sát của HĐQT đối với Ban TGD, HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên HĐQT. Mỗi thành viên HĐQT được giao thực hiện công tác quản trị, giám sát theo từng lĩnh vực hoạt động trọng yếu của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên đã giám sát chặt chẽ và thông tin cho HĐQT để HĐQT kịp thời có ý kiến chỉ đạo, định hướng Ban TGD điều chỉnh các hoạt động kinh doanh phù hợp theo từng giai đoạn; đồng thời, tạo động lực thúc đẩy kinh doanh để đảm bảo hoàn thành các kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao, phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững.

- Hoạt động giám sát của HĐQT Công ty đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện đầy đủ theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. HĐQT luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động SXKD của Công ty, đôn đốc, giám sát Ban TGD thực hiện các chủ trương, nghị quyết đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua. Năm 2022, hoạt động của Công ty có nhiều khó khăn khách quan tác động. HĐQT đã tập trung chỉ đạo và giám sát Ban TGD đối với các hoạt động cụ thể sau:

- HĐQT thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty kiểm tra các vấn đề:

+ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ và HĐQT đề ra.

+ Các nội dung thực hiện nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT và các quyết định HĐQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện.

- Chỉ đạo TGD Công ty quản lý chặt chẽ lĩnh vực đầu tư, thực hiện việc kiểm toán theo đúng quy định và có biện pháp phòng ngừa để hạn chế rủi ro.

- Chỉ đạo TGD rà soát và hoàn thiện các quy định nội bộ liên quan đến kinh doanh, quản lý chi phí, việc phân cấp, phân quyền,... nhằm linh hoạt trong kinh doanh, tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận và đề cao tính tuân thủ trong công tác quản lý, điều hành.

- Chỉ đạo và giám sát Ban TGD trong việc chuẩn bị các hồ sơ, tờ trình và số liệu phục vụ cho ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2021 vào ngày 22/4/2022; thực hiện Báo cáo thường niên năm tài chính 2021.

1.2. Kết quả giám sát:

Ban TGD và các cấp quản lý đã triển khai các công việc theo quy định tại Điều lệ, các nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT và các công việc khác trong phạm vi thẩm quyền, kết quả đạt được như sau:

- Ban TGD đã hoàn thành tốt vai trò trong hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, định hướng của ĐHCĐ đề ra, kinh doanh an toàn, hiệu quả và bền vững. Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực và củng cố các nguồn lực khác nhằm xây dựng nền tảng phát triển bền vững theo định hướng của ĐHCĐ Công ty.

- Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Ban TGD đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, các quy chế, quy định khác của Công ty, nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT. Thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng và kiểm toán theo đúng quy định.

- Hoạt động của Công ty năm 2022 có nhiều khó khăn do các tác động khách quan; trong đó, có 2 khó khăn lớn mà Công ty phải đối mặt là nguồn cung xăng dầu khan hiếm và chiết khấu bán hàng thấp (có những thời điểm chiết khấu bán hàng bằng 0 hoặc có cũng không đủ để bù đắp chi phí); nhưng Ban TGD đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp nên kinh doanh của Công ty tương đối ổn định, việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo.

- Ban TGD quản lý chặt chẽ các lĩnh vực đầu tư, quản lý vốn, công nợ, chi phí; rà soát Hệ thống, đảm bảo an toàn, chủ động phòng rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, hoàn thiện phần mềm phát hành hóa đơn điện tử để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

- Ban TGD đã chủ động rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy định nội bộ liên quan đến kinh doanh, quản lý chi phí, việc phân cấp, phân quyền,... nhằm linh hoạt trong kinh doanh, tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận trong việc triển khai nghị quyết của ĐHCĐ và nghị quyết của HĐQT.

- Ban TGD đã chủ động chuẩn bị các hồ sơ, tờ trình và số liệu để ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2021 (tổ chức ngày 22/4/2022) của Công ty được diễn ra theo đúng kế hoạch và thành công. Báo cáo thường niên năm tài chính thực hiện đúng tiến độ thời gian, minh bạch và gửi báo cáo theo đúng quy định.

Tóm lại, năm 2022, các thành viên HĐQT đã giám sát chặt chẽ và thông tin kịp thời cho HĐQT. Từ đó, HĐQT đã có ý kiến chỉ đạo, định hướng để Ban TGD điều chỉnh các hoạt động phù hợp, kinh doanh ổn định, bảo toàn và phát triển vốn. Đồng

thời, trong quá trình triển khai thực hiện công việc, Ban TGD đã kịp thời báo cáo HĐQT các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý hợp lý; đảm bảo việc thực hiện nội dung nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đúng tiến độ và đạt kết quả tốt.

2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ tuân thủ theo Điều lệ, các quy định của HĐQT, Quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, góp phần giúp HĐQT thực thi đầy đủ các nhiệm vụ trong năm 2022:

- Giám sát Báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm trước khi Ban Điều hành báo cáo trình HĐQT.

- Giám sát tính hiệu quả các hoạt động kiểm soát quá trình quản lý và kinh doanh của Công ty nhằm giảm thiểu rủi ro.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ của Công ty.

3. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý khác trong Công ty

Người quản lý Công ty gồm có TGD, các Phó TGD và Kế toán trưởng.

(Điểm 1, khoản 1, điều 1 của Điều lệ Công ty quy định "Cán bộ quản lý là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn").

HĐQT thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các Phó TGD và Kế toán trưởng thông qua báo cáo của TGD và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên.

III. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

1. Dự báo tình hình năm 2023

- Tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Trong nước, kinh tế vĩ mô có sự ổn định nhưng giữa các biến động khôn lường của nền kinh tế toàn cầu, cộng thêm từ nội tại trong nước, nhiều dự báo năm 2023 sẽ là năm khó khăn đối với kinh tế Việt Nam.

- Giá xăng dầu thế giới theo dự báo vẫn biến động khó lường do căng thẳng địa chính trị các nước, cuộc chiến tranh Nga – Ukraine,...; mức cầu về nhiên liệu trong nước thấp do sản xuất kinh doanh khó khăn, nguồn vốn cho đầu tư công của Chính phủ gặp nhiều khó khăn, tiêu dùng giảm. Mặt khác, thù lao xăng dầu trong tháng 01/2023 vẫn duy trì ở mức rất thấp (bình quân khoảng 295 đồng/lít) nên hiệu quả kinh doanh của Công ty thấp.

- Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu đang được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Nếu các chi phí liên quan trong công thức tính giá cơ sở xăng dầu (chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam, chi phí bảo hiểm, chi phí kinh doanh định mức...) được điều chỉnh phù hợp và sát với tình hình thực tế thì sẽ đảm bảo được mức chiết khấu để doanh nghiệp duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả. Tuy nhiên, nếu việc điều chỉnh chu kỳ điều hành giá theo xu hướng rút ngắn dưới 10 ngày thì sẽ gây không ít khó khăn cho công tác quản lý và kinh doanh xăng dầu của Công ty.

- Việc phân luồng giao thông, tình hình kẹt xe, thi công các công trình hạ tầng (cầu, đường), các dự án cải tạo nâng đường chống ngập, thoát nước, việc cấm xe tải, ô tô giường nằm lưu thông trong nội đô vào ban ngày, việc quy định nhập xăng dầu ban đêm,... tiếp tục ảnh hưởng đến kinh doanh các chi nhánh xăng dầu (CNXD).

- Các thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng còn phức tạp, chồng chéo, giá đất tăng rất cao; mặt khác, việc thuê mặt bằng của các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn của Nhà nước ngày càng hạn chế do các quy định về sử dụng tài sản công và phải tuân thủ các quy định về đầu giá nên việc phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu của Công ty gặp nhiều khó khăn.

- Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: tiền thuê cửa hàng xăng dầu, tiền điện, nước, tiền lương; chi phí đầu tư cải tạo mở rộng mặt bằng CNXD cho phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo hoạt động kinh doanh.

Từ những tác động trên và các dự báo đều cho rằng kinh tế năm 2023 sẽ đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, nền kinh tế sẽ tăng trưởng chậm lại do triển vọng kinh tế toàn cầu ảm đạm. Vì vậy, kế hoạch phát triển SXKD năm 2023 của Công ty cũng được xây dựng dựa trên những đánh giá trên nhằm đảm bảo sự an toàn, ổn định và phát triển bền vững.

2. Định hướng phát triển năm 2023

- Tập trung phát triển mảng kinh doanh nhiên liệu, tìm kiếm mặt bằng để tiếp tục phát triển chi nhánh bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh ổn định và hiệu quả, phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đánh giá, điều chỉnh, bổ sung những chính sách phát triển kinh doanh, chính sách đối với các dịch vụ kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế để thu hút khách hàng.

- Đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh.

- Tiếp tục công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đáp ứng được các yêu cầu phát triển của Công ty, đáp ứng nhu cầu thay thế và bổ sung cán bộ. Tiếp tục xây dựng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, ứng xử văn minh, lịch sự.

- Đảm bảo an toàn vốn.

- Tiếp tục chỉ đạo việc phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng của tỉnh Đồng Nai để sớm được xem xét, hoàn trả các khoản đã đầu tư liên quan đến mặt bằng kho xăng dầu tại huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai.

Phần 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

HĐQT gồm 5 thành viên kiêm nhiệm

1.1. Lý lịch HĐQT

▪ Ông Lê Văn Nghĩa : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 05/7/1966

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán.

Thâm niên trong ngành : 13 năm

- Tháng 5/1990 : công tác tại Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy Việt Nam (Bộ GTVT) với các chức danh Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình Đường thủy Miền Trung) và Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình 86).

- Tháng 10/2000 : chuyển công tác sang Bộ Tài chính và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra, sau đó làm Phó Trưởng Thanh tra Bộ Tài chính tại Tp. Hồ Chí Minh.

- Tháng 5/2007 : làm việc tại Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Hồ Chí Minh), phụ trách Phòng Kế hoạch & Tiền Lương, sau đó là Trưởng phòng Thẩm định & Quản lý rủi ro.

- Tháng 9/2010 : làm việc tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Chi nhánh Hồ Chí Minh) với chức danh Phó GD.

- Tháng 02/2011 : công tác tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ.

- Tháng 4/2012 : Trưởng BKS COMECO đến tháng 4/2017.

- Tháng 8/2012 : Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ PVOIL.

- Tháng 4/2017 : Chủ tịch HĐQT COMECO.

- Tháng 7/2017 : Thành viên HĐQT PVOIL cho đến nay.

- Tháng 8/2018 : Thành viên HĐQT PVOIL cho đến nay.

- Tháng 6/2020 : Thành viên HĐQT COMECO cho đến nay.

▪ Ông Lê Văn Bách : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 04/6/1975

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD

Thâm niên trong ngành : 22 năm

- 2001 - 2007 : Chuyên viên Kiểm toán nội bộ Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ - TKV

- Tháng 01/2008 : Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh Cty PETECHIM Hà Nội
- Tháng 7/2008 : Chuyên viên Phòng Kinh doanh Chi nhánh Cty CP Hóa dầu Dầu khí Vidamo tại Miền Bắc (Nay là PVOIL Lube Miền Bắc).
- Tháng 01/2011 : Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc Công ty cổ phần Dầu nhờn PVOIL (PVOIL Lube).
- Tháng 7/2013 : Phó Giám đốc Công ty PVOIL Lube kiêm Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc PVOIL.
- Tháng 7/2018 : Giám đốc PVOIL Lube cho đến nay.
- Tháng 11/2018 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.

▪ Ông Lý Vĩnh Hòa : Ủy viên HĐQT.

Năm sinh : 10/8/1970

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa

Thâm niên trong ngành : 28 năm

- Tháng 02/1995 : Công nhân Công nghệ Nhà máy lọc dầu Cát Lái Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 5/2001 : Phó Trưởng ca Công nghệ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 11/2004 : Trưởng ca Công nghệ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 7/2009 : Phó Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 01/2019 : Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 11/2021 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) cho đến nay.
- Tháng 4/2022 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.

▪ Ông Huỳnh Ngọc Thành : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 31/7/1968

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế.

Thâm niên trong ngành : 26 năm

- Tháng 01/1997 : nhân viên kinh doanh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 3/2004 : Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM tại Tiền Giang.
- Tháng 3/2016 : Phó Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 11/2019 : Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) cho đến nay.
- Tháng 4/2022 : Thành viên HĐQT COMECO cho đến nay.

• Ông Lê Tấn Thương : Ủy viên HĐQT - TGD

Năm sinh : 13/11/1971

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Anh văn,
Cử nhân Ngoại thương.

Thâm niên trong ngành : 30 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 30 năm (làm việc tại Công ty từ tháng 6/1993 đến nay)

- Tháng 6/1993 : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu.
- Tháng 7/1996 : nhân viên Phòng Kế hoạch nhiên liệu.
- Tháng 10/1999 : Phó phòng Kế hoạch nhiên liệu.
- Tháng 10/2000 : Quyền Trưởng phòng Kinh doanh nhiên liệu.
- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD
- Tháng 5/2012 : TGD cho đến nay.
- Tháng 4/2017 : Ủy viên HĐQT kiêm TGD cho đến nay.

1.2. Cơ cấu HĐQT

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	ĐVTính: cổ phiếu		
				SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10	3.500.816	
2	Lê Văn Bách	Thành viên	Giám đốc Công ty cổ phần Dầu nhờn PVOIL	0	2.824.200	
3	Lý Vĩnh Hòa	Thành viên	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)	0	3.359.254	
4	Huỳnh Ngọc Thành	Thành viên	Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)	0	2.239.503	
5	Lê Tấn Thương	Thành viên		171.370	0	

1.3. Thay đổi thành viên HĐQT: không có

2. Các tiểu ban thuộc HĐQT: Ngày 05/8/2022 HĐQT Công ty ban hành Nghị quyết số 23-22/NQ-HĐQT thành lập Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

3. Hoạt động của HĐQT năm 2022

Trong năm 2022 có tổng cộng 31 phiên họp của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ, tích cực của các thành viên HĐQT, TGD, Thư ký Công ty và các thành viên BKS.

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- HĐQT đã có sự phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng thành viên và duy trì chế độ họp định kỳ để xử lý kịp thời các công việc phát sinh, duy trì hoạt động SXKD ổn định. Đa số các thành viên HĐQT đều quyết tâm và vì lợi ích Công ty trong mọi hoạt động của mình. Nhìn chung, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Bảng phân công nhiệm vụ trong HĐQT.

3.1.1. Các cuộc họp của HĐQT năm 2022

SỐ TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
Từ 01/01/2022 – 31/12/2022						
1	Ông Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch	26/04/2017	31/31	100	
2	Ông Lê Văn Bách	Ủy viên	28/11/2018	30/31	97	Vắng mặt phiên họp ngày 16/9/2022, lý do: đi công tác Hà Nội.
3	Ông Lý Vĩnh Hòa	Ủy viên	22/04/2022	20/20	100	Tham gia HĐQT từ 22/4/2022
4	Ông Huỳnh Ngọc Thành	Ủy viên	22/04/2022	20/20	100	Tham gia HĐQT từ 22/4/2022
5	Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên	26/04/2017	31/31	100	

3.1.2. Các nội dung chính của các cuộc họp HĐQT năm 2022

Năm 2022, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty đã tổ chức 31 phiên họp để thông qua các nội dung chính như sau:

SỐ TT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ NGÀY	NỘI DUNG
1	01-22/NQ-HĐQT 05/01/2022	<p>1. Thống nhất chọn các ngân hàng để vay vốn theo Tờ trình số 60/TTr-HĐQT ngày 31/12/2021 của Tổng Giám đốc Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạn mức tín dụng: theo Tờ trình số 60/TTr-HĐQT ngày 31/12/2021 của Tổng Giám đốc Công ty. - Mục đích vay: nhằm đảm bảo cung cấp đủ nguồn vốn lưu động cho nhu cầu mua hàng hóa phục vụ hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty. - Thời hạn hiệu lực: 1 năm kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực. - Giao Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lựa chọn ngân hàng vay, cân đối nguồn vốn tự có trước khi vay, quản lý và sử dụng vốn vay đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả.
2	02-22/NQ-HĐQT 12/01/2022	<p>1. Thống nhất giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện việc thu thập, tổng hợp các hồ sơ, chứng từ có liên quan đến việc đề nghị hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai và thực hiện báo cáo theo yêu cầu Văn bản số: 8834/STC-QLG & CS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.</p>
3	03-22/NQ-HĐQT 10/02/2022	<p>1. Chấp thuận để Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng mua dầu nhờn với Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL theo nội dung Tờ trình số: 05/TTr-HĐQT ngày 27/01/2022 và dự thảo hợp đồng đính kèm của Tổng Giám đốc Công ty.</p>
4	04-22/NQ-HĐQT 15/02/2022	<p>1. Thống nhất nội dung Báo cáo thực hiện SXKD - Tài chính - Đầu tư năm 2021 và tạm thông qua Kế hoạch SXKD - Tài chính - Đầu tư năm 2022 của Công ty theo nội dung Báo cáo số: 03/BC-HĐQT ngày 17/01/2022 của TGD, với một số chỉ tiêu chính như sau:</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022. - Tờ trình về chấp thuận các hợp đồng, giao dịch cung cấp xăng dầu cho Công ty. * Các văn kiện liên quan đến ứng cử, đề cử, bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ VI (2022 - 2026): - Thông báo về việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS. - Sơ yếu lý lịch (sử dụng cho ứng viên HĐQT/BKS). - Đơn ứng cử thành viên HĐQT/BKS. - Giấy ủy quyền ứng cử thành viên HĐQT/BKS. - Bản cam kết tham gia HĐQT/BKS. - Quy chế đề cử, ứng cử và bầu thành viên HĐQT/BKS. * Các hồ sơ khác: - Phiếu biểu quyết các nội dung trình Đại hội. - Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm tài chính 2021. - Quy định biểu quyết các nội dung tại ĐHĐCĐ năm tài chính 2021.
9	09/NQ-HĐQT 01/4/2022	<p>1. Phê duyệt giá khởi điểm chào bán cạnh tranh cổ phần để chuyển nhượng vốn của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL TRANS) là: 15.294 đồng/cổ phần theo Tờ trình số: 10/TTr-HĐQT ngày 21/3/2022 của TGD Công ty.</p> <p>2. Phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của COMECO tại PVOIL TRANS, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên cổ phần chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL TRANS). - Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng. - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần. - Số lượng cổ phần COMECO hiện nắm giữ: 1.000.000 cổ phần (chiếm 20% vốn điều lệ tại PVOIL TRANS). - Số lô cổ phần chào bán: 01 lô. - Số lượng cổ phần của 01 lô: 1.000.000 cổ phần. - Giá trị cổ phần chào bán theo mệnh giá: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng chẵn). - Số cổ phần COMECO nắm giữ sau khi chuyển nhượng: 0 cổ phần. - Phương thức chào bán: Chào bán cạnh tranh cho dưới 100 nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá. - Giá khởi điểm: 15.294.000.000 đồng/lô cổ phần. - Bước giá: 10.000.000 đồng/lô cổ phần. - Đối tượng mua: Các nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm và đủ điều kiện theo quy định của Quy chế tổ chức chào bán cạnh tranh theo lô cổ phần. - Phương án xử lý số cổ phần chào bán không thành công: Trường hợp chào bán cạnh tranh cả lô không thành công, Ban Điều hành COMECO sẽ tiếp tục thực hiện thoái vốn theo phương thức chào bán cạnh tranh. - Lộ trình thực hiện chuyển nhượng vốn: trong năm 2022. - Tổ chức thực hiện chào bán: Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh TP.HCM.
10	10/NQ-HĐQT 08/4/2022	<p>1. Thống nhất tiếp tục tái bổ nhiệm ông Phạm Công Quyền giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Kể từ ngày 01/5/2022 đến ngày 30/6/2024. - Tiền lương và các khoản phụ cấp khác của ông Phạm Công Quyền được hưởng theo Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty.

11	11/NQ-HĐQT 13/4/2022	1. Thống nhất phê duyệt nội dung dự thảo Quy chế Tổ chức chào bán cạnh tranh theo lô cổ phần để thực hiện thoái vốn của Công ty cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL TRANS) để COMECO ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ban hành (đính kèm bản dự thảo Quy chế).
12	12-22/NQ-HĐQT 22/4/2022	1. Bầu ông Lê Văn Nghĩa làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) nhiệm kỳ VI (2022 – 2026). 2. Tiếp tục cử bà Trần Thị Hồng Lĩnh tạm thời làm Thư ký Công ty với mức thù lao cho chức danh Thư ký Công ty là 2.500.000 đồng/ tháng. 3. Thông qua Quy định phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2026.
13	13-22/NQ-HĐQT 23/5/2022	1. Thông qua việc chốt danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) để thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: - Ngày đăng ký cuối cùng: Ngày 13/6/2022. - Thời gian thực hiện: Từ ngày 20/6/2022 đến ngày 30/6/2022. - Nội dung gửi lấy ý kiến cổ đông: Thông qua hợp đồng chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL TRANS) mà Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) sở hữu cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) theo kết quả chào bán cạnh tranh ngày 16/5/2022. Giao cho Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng, ban chức năng có liên quan triển khai thực hiện và tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để hoàn tất các nội dung trên.
14	14-22/NQ-HĐQT 27/5/2022	1. Thông qua nội dung các văn bản gửi cổ đông xin ý kiến bằng văn bản để thông qua hợp đồng chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL TRANS) mà COMECO sở hữu cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) theo kết quả chào bán cạnh tranh ngày 16/5/2022, gồm các văn bản sau: - Thông báo về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; - Tờ trình gửi cổ đông v/v xin ý kiến bằng văn bản để thông qua hợp đồng chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần của PVOIL TRANS mà COMECO sở hữu cho PVOIL theo kết quả chào bán cạnh tranh ngày 16/5/2022; - Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần; - Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản; - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các văn bản có liên quan đến thủ tục thực hiện xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua hợp đồng chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần nêu trên.
15	15-22/NQ-HĐQT 02/6/2022	1. Chấp thuận ủy quyền cho ông Nguyễn Tuấn Tú – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty PETEC thay mặt COMECO thực hiện quyền cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021 của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC) theo nội dung Tờ trình số: 23/TTr-HĐQT ngày 31/5/2022 của Tổng Giám đốc Công ty. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện và ký hồ sơ ủy quyền theo nội dung trên.
16	16-22/NQ-HĐQT 06/6/2022	1. Thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty như sau: - Doanh thu : 3.500 tỷ đồng - Lợi nhuận sau thuế : 30 tỷ đồng - Chi cổ tức tối thiểu : 15 %. Giao cho Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo triển khai thực hiện và báo cáo cho Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

17	17-22/NQ- HĐQT 16/6/2022	<p>1. Thống nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2022 của Công ty.</p> <p>Chi phí dự kiến: Không cao hơn 150.000.000 đồng (chưa bao gồm VAT).</p>
18	18/QĐ- HĐQT 17/6/2022	<p>1. Thành lập Tổ kiểm phiếu để thực hiện kiểm phiếu nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thông qua hợp đồng chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần của PVOIL TRANS mà COMECO sở hữu cho PVOIL theo kết quả chào bán cạnh tranh ngày 16/5/2022. Tổ kiểm phiếu gồm các thành viên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ô. Lý Vĩnh Hòa, Thành viên HĐQT: Tổ trưởng. - Ô. Phan Dũng Tiến, Phó GĐTC : Thành viên. - B. Hà Tuyết Trinh, Phó GĐNS : Thành viên.
19	19-22/NQ- HĐQT 14/7/2022	1. Thông qua nội dung Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2022.
20	20-22/NQ- HĐQT 15/7/2022	1. Phê duyệt nội dung Tờ trình số: 25/TTr-HĐQT ngày 12/7/2022 của Tổng Giám đốc về việc triển khai xây dựng, cải tạo Chi nhánh xăng dầu số 7.
21	21-22/NQ- HĐQT 26/7/2022	<p>1. Thông qua nội dung Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 và định hướng hoạt động trong những tháng tiếp theo của năm 2022.</p> <p>2. Ghi nhận báo cáo của Tổng Giám đốc về những khó khăn tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2022. Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo tổng hợp, báo cáo chi tiết về chiết khấu bán hàng của các doanh nghiệp đầu mối trong tháng đầu năm 2022, để Hội đồng quản trị trao đổi với Hai cổ đông lớn xem xét, hỗ trợ.</p> <p>3. Giao Ban Điều hành báo cáo tình hình hệ thống bán lẻ xăng dầu của Công ty trong 03 năm gần đây; đề xuất giải pháp phát triển cửa hàng xăng dầu mới; đồng thời, xem xét lại Quy chế về đầu tư và phát triển mạng lưới cửa hàng xăng dầu mới để chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp; trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định và đề xuất Hai cổ đông lớn hỗ trợ.</p> <p>4. Ghi nhận Báo cáo của người đại diện vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần Vận tải Việt Tín về tình hình hiện nay của Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín. Người đại diện vốn góp tiếp tục nắm bắt thông tin về Công ty này và báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thống nhất chủ trương ký hợp đồng đại lý xăng dầu với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hai Thành Viên Anh Hòa theo nội dung Tờ trình số: 27/TTr-HĐQT ngày 20/7/2022 của Ban Điều hành.</p>
22	22-22/NQ- HĐQT 05/8/2022	<p>1. Thông qua nội dung Tờ trình số: 29/TTr-HĐQT ngày 02/8/2022 về việc đầu tư sửa chữa CNXD số 24; trong đó, dự toán tổng chi phí thực hiện là 4.911.321.241 đồng, dự kiến thời gian thi công từ ngày 01/9/2022 và hoàn thành công trình ngày 30/12/2022.</p> <p>2. Thông qua nội dung Tờ trình số: 30/TTr-HĐQT ngày 02/8/2022 về việc thi công lắp đặt hệ thống PCCC và bể nước ngầm cho Kho Thủ Đức; trong đó, dự toán tổng chi phí thực hiện là 2.670.577.494 đồng và dự kiến thời gian thực hiện từ 10/8/2022 đến 12/11/2022.</p>
23	23-22/NQ- HĐQT 05/8/2022	<p>1. Thông qua Quy chế Kiểm toán nội bộ của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu.</p> <p>2. Thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu.</p>

24	24-22/NQ-HĐQT 17/8/2022	<p>1. Thông qua nội dung Tờ trình số: 34/TTr-HĐQT ngày 17/8/2022 của Tổng Giám đốc về việc Điều chỉnh quy hoạch và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Chi nhánh xăng dầu số 45 (Tờ trình đính kèm).</p> <p>Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Công ty, Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật và ký tiếp Phụ lục hợp đồng (trong đó bao gồm các nội dung tại Mục 2 Tờ trình số: 34/TTr-HĐQT ngày 17/8/2022 của Tổng Giám đốc) để điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng số 03/2018/HĐ-KD/KCNĐT ngày 02/10/2018 và các phụ lục đính kèm Hợp đồng này mà Hai bên đã ký kết./.</p>
25	25-22/NQ-HĐQT 14/9/2022	<p>1. Thông qua nội dung Tờ trình số: 36/TTr-HĐQT ngày 13/9/2022 của Tổng Giám đốc về Dự án đầu tư thuê Cửa hàng xăng dầu Lê Tuấn Anh, tại địa chỉ 344A đường Tân Hòa Đông, Khu phố 12, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh (Thửa đất số 660 tờ bản đồ số 08).</p>
26	26-22/NQ-HĐQT 16/9/2022	<p>1. Thành lập Chi nhánh xăng dầu số 46 và cử người đứng đầu Chi nhánh như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Chi nhánh: CHI NHÁNH SỐ 46 - CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU - Tại địa chỉ số: 344A đường Tân Hòa Đông, Khu phố 12, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (Thửa đất số 660 tờ bản đồ số 08 [TL-2005] bộ địa chính phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân). - Người đứng đầu Chi nhánh: Ông Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 29/10/1977, căn cước công dân số 079077031633, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/07/2021, là người đứng đầu Chi nhánh số 46.
27	27-22/NQ-HĐQT 21/9/2022	<p>1. Thông qua nội dung Tờ trình số: 38/TTr-HĐQT ngày 20/9/2022 của Tổng Giám đốc về việc khắc con dấu để sử dụng cho Chi nhánh số 46:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 01 (một) con dấu. - Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Vành trên chữ: M.S.C.N 0300450673-069-C.T.C.P + Vành dưới chữ: Q.BÌNH TÂN-TP.HỒ CHÍ MINH + Bên trong chữ: CHI NHÁNH SỐ 46 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO). - Hình thức: Con dấu hình tròn, đường kính 36 mm. - Màu mực dấu: Màu đỏ. <p>Giao cho Trưởng chi nhánh xăng dầu số 46 sử dụng, quản lý và lưu giữ con dấu của Chi nhánh số 46 theo đúng quy định của pháp luật; Điều lệ Công ty; Quy định về công tác văn thư, lưu trữ và quản lý con dấu của Công ty.</p>
28	28-22/NQ-HĐQT 27/9/2022	<p>1. Thông qua nội dung Tờ trình số: 39/TTr-HĐQT ngày 26/9/2022 của Tổng Giám đốc về việc chưa tháo dỡ, thu hồi các tài sản còn lại tại CNXD số 18.</p> <p>Giao cho Ban Điều hành tiếp tục liên hệ với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị, nắm bắt thêm thông tin và báo cáo kịp thời để Hội đồng quản trị có quyết định thực hiện phù hợp đối với nội dung nói trên.</p>
29	29-22/NQ-HĐQT 07/11/2022	<p>1. Thông qua các nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022. Nội dung kiến nghị liên quan đến nguồn cung xăng dầu và hỗ trợ chiết khấu bán hàng, các thành viên Hội đồng quản trị đại diện phần vốn góp của Sài Gòn Petro báo cáo, xin ý kiến lãnh đạo Sài Gòn Petro để giải quyết và thông báo kết quả cho Hội đồng quản trị Công ty trong vòng 10 ngày kể từ phiên họp Hội đồng quản trị ngày 07/11/2022. Trên cơ sở thông tin nhận được, nếu được sự đồng thuận của Sài Gòn Petro thì Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc gửi thư mời 3 bên cùng dự họp để thống nhất giải quyết.</p>

		<p>2. Ghi nhận Báo cáo và đề xuất của Ban Điều hành về điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD – Tài chính – Đầu tư năm 2022. Tuy nhiên, việc điều chỉnh kế hoạch tại thời điểm này chưa phù hợp vì sản lượng bán hàng, lợi nhuận hoàn toàn phụ thuộc vào thị trường xăng dầu, chiết khấu của PVOIL và Sài Gòn Petro bán hàng cho COMECO; mặt khác, việc thực hiện tiết giảm chi phí trong bối cảnh kinh doanh khó khăn để tăng thu và tiết kiệm thì có thể các khoản chi phí từ nay đến cuối năm còn biến động. Việc điều chỉnh kế hoạch (nếu có) sẽ được xem xét sau khi kết thúc năm tài chính 2022.</p> <p>3. Chấp thuận phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 theo đề xuất của Ban Điều hành là 80 tỷ đồng ($\pm 1\%$).</p>
30	30-22/NQ-HĐQT 07/11/2022	<p>1. Thông qua chủ trương hợp tác với Trung tâm phát triển trạm sạc VinFast để phát triển trạm sạc điện tại các chi nhánh xăng dầu của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO).</p> <p>Giao cho Ban Điều hành phối hợp với đối tác rà soát các địa điểm kinh doanh, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, an toàn môi trường. Báo cáo kết quả khảo sát, kế hoạch thực hiện để Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi thực hiện.</p>
31	31-22/NQ-HĐQT 02/12/2022	<p>1. Thống nhất mức chi tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt là 15%/vốn điều lệ của Công ty (1.500 đồng/cổ phần):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian gửi Thông báo chốt danh sách cổ đông cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán: Ngày 05/12/2022. - Thời gian chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) để thực hiện việc chi tạm ứng cổ tức năm 2022: Ngày 19/12/2022. - Thời gian Công ty chuyển tiền cổ tức cho Trung tâm Lưu ký: Ngày 03/01/2023. - Thời gian cổ đông của Công ty nhận cổ tức: Từ ngày 06/01/2023.
32	32-22/NQ-HĐQT 14/12/2022	<p>1. Thông qua nội dung Tờ trình số: 47/TTr-HĐQT ngày 14/12/2022 của Tổng Giám đốc về việc tạm hoãn chi tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt tỷ lệ 15% cho đến kỳ ĐHCĐ thường niên gần nhất.</p>
33	33-22/NQ-HĐQT 15/12/2022	<p>1. Phê duyệt Phương án cho thuê văn phòng, kho bãi của Công ty năm 2023 theo nội dung Tờ trình số: 46/TTr-HĐQT ngày 08/12/2022 của Ban Điều hành và Phương án (đính kèm).</p> <p>Giao cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện Phương án trên theo Quy chế về việc kinh doanh cho thuê văn phòng, kho bãi của Công ty.</p>

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: Không có

5. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: chưa có

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

BKS gồm 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành

1.1. Lý lịch BKS

- Bà Ngô Phương Hạnh : Trưởng BKS
- Năm sinh : 28/12/1974
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Thâm niên trong ngành : 26 năm

- Tháng 11/1997 : Nhân viên Kế toán tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).
- Tháng 6/2016 : Tổ trưởng Tổ Tổng hợp Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).
- Tháng 11/2018 : Phó phòng Tài chính – Kế toán Saigon Petro cho đến nay.
- Tháng 3/2018 : Thành viên BKS Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Ninh Thuận cho đến nay.
- Tháng 4/2019 : Ủy viên BKS COMECO.
- Tháng 4/2022 : Trưởng BKS COMECO cho đến nay.

▪ Ông Nguyễn Đức Linh : Ủy viên BKS

Năm sinh : 10/10/1975

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Thâm niên trong ngành : 24 năm

- Tháng 8/1999 : Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán tại Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec.
- Tháng 11/2007 : Phó Phòng Tài chính – Kế toán (Petec)
- Tháng 6/2011 : Trưởng văn phòng HĐQT (Petec)
- Tháng 6/2012 : Trưởng ban kiểm soát nội bộ (Petec)
- Tháng 8/2013 : Phó Trưởng ban kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL).
- Tháng 4/2017 : Trưởng BKS COMECO.
- Tháng 11/2020 : Trưởng ban kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) cho đến nay.
- Tháng 4/2022 : Thành viên BKS COMECO cho đến nay.

▪ Ông Bùi Huy Thắng : Ủy viên BKS.

Năm sinh : 14/6/1990

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Thâm niên trong ngành : 11 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 11 năm (làm việc tại Công ty từ 8/2012 đến nay)

- Tháng 5/2012 : Nhân viên Phòng Kinh tế - Tài chính tại Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)
- Tháng 01/2019 : Nhân viên Phòng Kinh doanh COMECO cho đến nay
- Tháng 5/2016 : Trưởng BKS Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín cho đến nay.
- Tháng 4/2019 : Ủy viên BKS Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans) cho đến nay.
- Tháng 4/2019 : Ủy viên BKS COMECO cho đến nay.

3.3. Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS và Ban TGD

- HĐQT, BKS và Ban TGD Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.

- Trong các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của đầy đủ của các thành viên BKS, TGD và Thư ký Công ty. Các ý kiến thảo luận của BKS, TGD đều được ghi nhận và đánh giá cao tinh thần góp ý cho các hoạt động của Công ty.

- Những nội dung Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến hoạt động của BKS và điều hành của Ban TGD được gửi đến BKS và Ban TGD để cùng phối hợp thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS và TGD có quyền và có trách nhiệm đề xuất với HĐQT những giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- TGD thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty kịp thời, làm cơ sở cho việc quyết định/nghị quyết của HĐQT khi quyết định các mặt hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo các cán bộ, bộ phận chuyên môn cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ cho công tác kiểm soát của BKS.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD, TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ BKS NĂM 2022

1. Thù lao của HĐQT và BKS

Năm 2022, đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ đã thông qua ngày 22/4/2022 như sau:

- Thù lao cho HĐQT : 480.000.000 đ (BQ: 8 triệu đồng/người/tháng)

- Thù lao cho BKS : 180.000.000 đ (BQ: 5 triệu đồng/người/tháng)

Tổng cộng năm 2021 : 660.000.000 đ.

(Trong đó theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 phân chi cho thành viên HĐQT và BKS không trực tiếp tham gia điều hành hạch toán vào Lợi nhuận sau thuế là 510.000.000 đồng; chi cho thành viên HĐQT và BKS trực tiếp tham gia điều hành hạch toán vào chi phí là 150.000.000 đồng).

2. Thu nhập của HĐQT, tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát và Ban TGD năm 2022 cụ thể như sau:

2.1. Thù lao HĐQT:

HỌ TÊN	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (Đồng)
Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT (từ 22/4/2022)	110.000.000
Phạm Văn Thoại	Chủ tịch HĐQT (đến 22/4/2022)	40.000.000
Lê Văn Bách	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Trần Thị Phương Khanh	Ủy viên HĐQT (đến 22/4/2022)	30.000.000
Lê Tấn Thương	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Lý Vĩnh Hòa	Ủy viên HĐQT (từ 22/4/2022)	60.000.000
Huỳnh Ngọc Thành	Ủy viên HĐQT (từ 22/4/2022)	60.000.000

2.2. Thù lao Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

HỌ TÊN	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (Đồng)
Phan Dũng Tiến	Trưởng ban	12.500.000
Nguyễn Thị Kim Thiện	Thành viên	10.000.000
Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên	10.000.000

2.3. Thù lao Ban Kiểm soát

HỌ TÊN	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (Đồng)
Ngô Phương Hạnh	Trưởng ban	60.000.000
Nguyễn Đức Linh	Thành viên	60.000.000
Bùi Huy Thắng	Thành viên	60.000.000

2.4. Tiền lương Ban Tổng Giám đốc:

HỌ TÊN	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (Đồng)
Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc	1.256.024.324
Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc	835.369.369
Nguyễn Chơn Quang	Phó Tổng Giám đốc	668.832.562
Phạm Công Quyền	Kế toán trưởng	735.189.178

3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

DVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2022	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2022	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
I	Hội đồng quản trị								
1	Lê Văn Nghĩa	CT HĐQT		10	3.500.816		3.500.826	24,79	SH và đại diện SH
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Văn Dũng		Cha ruột						đã mất
	Nguyễn Thị Lê		Mẹ ruột						đã mất
	Nguyễn Chức		Cha vợ						
	Nguyễn Thị Ngón		Mẹ vợ						đã mất
	Nguyễn Thị Hà		Vợ						
	Lê Đức Trung		Con ruột						
	Lê Đức Hiệp		Con ruột						
	Lê Thị Liên		Chị ruột						
	Lê Văn Quân		Anh ruột						
	Nguyễn Hoàng Bi		Anh rể						
	Nguyễn Thị Tươi		Chị dâu						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN(*)	TV HĐQT		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2022	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2022	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
2	Lê Văn Bách	UV HĐQT		2.824.200	0	0	2.824.200	20	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Thị Hồng Tuất		Mẹ ruột						
	Lê Văn Từ		Cha ruột						
	Phạm Văn Hoán		Cha vợ						
	Trịnh Thị Kim Dung		Mẹ vợ						đã mất
	Phạm Thị Hòa Bình		Vợ						
	Lê Bách Thắng		Con ruột						
	Lê Bách Khang		Con ruột						
	Lê Văn Tùng		Anh ruột						
	Lê Thị Quế		Em ruột						
	Nguyễn Thị Nhung		Chị dâu						
	Hà Minh Vi		Em rể						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng công ty Dầu VN(*)			6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
	Công ty Cp Dầu nhờn PVOIL	Giám đốc							
3	Lý Vĩnh Hòa	UV HĐQT		3.359.254	0	0	3.359.254	23,79	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lý Giang Việt		Cha ruột						
	Hà Thị Nền		Mẹ ruột						
	Phan Văn Cá		Cha vợ						đã mất
	Nguyễn Thị Lý		Mẹ vợ						đã mất
	Phan Thị Thu Hà		Vợ						
	Lý Viễn Du		Con ruột						
	Lý Viễn Dương		Con ruột						
	Lý Vĩnh Thuận		Anh ruột						
	Đoàn Thị Thủy		Chị dâu						
	Lý Vĩnh Quý		Em ruột						
	Thân Thị Ngọc Huyền		Em dâu						
	Lý Thị Vĩnh Phương		Em ruột						
	Lý Vĩnh Phú		Em ruột						
	Lê Thị Cẩm Nang		Em dâu						
	Phan Đình Tôn		Anh vợ						đã mất
	Phan Văn Tiến		Anh vợ						đã mất
	Phan Văn Thắng		Anh vợ						đã mất
	Phan Đình Phùng		Anh vợ						
	Phan Thị Tới		Chị vợ						
	Phan Thị Mai		Chị vợ						
	Phan Đình Phương		Em vợ						
	Phan Đình Phương		Em vợ						
	Phan Thị Kim Hoa		Em vợ						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2022	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2022	TL/VDL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (**)	Phó TGD		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
4	Huỳnh Vĩnh Thành								
	Huỳnh Văn Ninh		Cha vợ						
	Đỗ Thị Bạch		Mẹ vợ						
	Huỳnh Thị Bạch Yến		Vợ						
	Huỳnh Thị Thanh Trúc		Con ruột						
	Huỳnh Thị Thanh Trà		Con ruột						
	Huỳnh Văn Lụa		Anh ruột						
	Lê Thị Ngân		Chị Dâu						
	Huỳnh Văn Lèo		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Chinh		Chị Dâu						
	Huỳnh Văn Gấm		Anh ruột						
	Liêu Thị Hòa		Chị Dâu						
	Huỳnh Thị Yến		Chị ruột						
	Nguyễn Hữu Gượng		Anh rể						
	Huỳnh Thị Thân		Chị ruột						
	Lê Văn Thanh		Anh rể						
	Huỳnh Chí Trung		Em vợ						
	Huỳnh Trung Hiếu		Em vợ						
	Huỳnh Thị Yến Nhi		Em vợ						
	Huỳnh Thị Kim Chi		Em vợ						
	Lê Hoàng Khôi		Em rể vợ						
	Huỳnh Thị Hiếu Hạnh		Em vợ						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (**)	Trưởng phòng kinh doanh		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
5	Lê Tấn Thương	UV.HĐQT TGD		161.370	10.000	0	171.370	1,214	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Phùng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Dương Văn Hải		Cha vợ						Đã mất
	Huỳnh Thị Nữ		Mẹ vợ						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,28	Sở hữu
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
	Lê Thị Văn		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột						
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Trang Sĩ Nông		Anh rể						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2022	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2022	TL/VDL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Phan Văn Tâm		Anh rể						
	Trương Thị Mỹ Phương		Em dâu						
	Lê Thanh Chương		Em rể						
	Lê Thị Bích Tâm		Em dâu						
II	Ban TGD, Người công bố thông tin								
1	Lê Tấn Thương	UV.HĐQT TGD		161.370	10.000	0	171.370	1,214	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Phùng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Dương Văn Hải		Cha vợ						Đã mất
	Huỳnh Thị Nữ		Mẹ vợ						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,28	Sở hữu
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
	Lê Thị Văn		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột						
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Trang Sĩ Nông		Anh rể						
	Phan Văn Tâm		Anh rể						
	Trương Thị Mỹ Phương		Em dâu						
	Lê Thanh Chương		Em rể						
	Lê Thị Bích Tâm		Em dâu						
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD, người CBTT		600	1.900	0	2.500	0,018	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Văn Chánh		Cha ruột						Đã mất
	Thái Ca Siêu		Mẹ ruột						Đã mất
	Phạm Lê Anh Khôi		Con ruột						
	Phạm Thị Hạnh Khuê		Con ruột						
	Phạm Thị Kim Hồng		Chị ruột						
	Phạm Thị Kim Nhung		Chị ruột						
	Phạm Công Sứ		Anh ruột						
	Phạm Công Sở		Anh ruột						
	Phạm Công Huân		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Thủy		Chị ruột						
	Thái Thị Hồng Lan		Chị ruột						
	Phạm Thị Lan Anh		Chị ruột						
	Phạm Văn Học		Em ruột						
	Lê Tuấn Mỹ		Anh rể						
	Đặng Nguyên Dũng		Anh rể						
	Phan Thị Ni		Chị dâu						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2022	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2022	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Nguyễn Thị Hằng		Chị dâu						
	Nguyễn Hoàng Minh		Anh rể						
	Trần Thị Ánh Loan		Em dâu						
3	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGĐ		4.740	0	0	4.740	0,034	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Chơn Trung		Cha ruột						
	Đỗ Ngọc Trinh		Mẹ ruột						
	Nguyễn Ngọc Bình		Cha vợ						
	Nguyễn Thị Mỹ Hương		Mẹ vợ						
	Nguyễn Ngọc Thùy Chi		Vợ						
	Nguyễn Chơn Quý Tùng		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Như Tâm		Con ruột						
	Nguyễn Kiên Trung		Em ruột						
III	Kế toán trưởng								
1	Phạm Công Quyền	GĐTC - KTT		70.255	0	0	70.255	0,50	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Công Đào		Cha ruột						Đã mất
	Huỳnh Thị Thoa		Mẹ ruột						Đã mất
	Vũ Văn Sâm		Cha vợ						Đã mất
	Trần Mỹ Quyền		Mẹ vợ						Đã mất
	Vũ Bích Ngọc		Vợ						
	Phạm Công Tuấn Kiệt		Con ruột						
	Phạm Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Phạm Công Tuấn Kiên		Con ruột						
	Phạm Chí Thành		Anh ruột						
	Phạm Chí Toại		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Thị Phương		Chị ruột						
	Phạm Thị Hằng Nga		Chị ruột						Đã mất
	Phạm Công Danh		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Dung		Em ruột						
	Nguyễn Thị Hoa		Chị dâu						
	Bùi Văn Minh		Anh rể						
	Phạm Đức Khánh		Anh rể						
	Phạm Thị Hùng		Chị dâu						
	Nguyễn Hữu Đức		Em rể						
	<i>Tổ chức</i>								
	Công ty Cp Vận tải Biển Việt Tín	UV HĐQT							
	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	UV BKS							
IV	Ban Kiểm Soát								
1	Ngô Phương Hạnh	Trưởng BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Thị Ngọc Huy		Mẹ ruột						
	Ngô Hiệp		Cha ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2022	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2022	TL/VDL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Quách Thị Kim Hồng		Mẹ chồng						
	Nguyễn Văn Quý		Cha chồng						đã mất
	Nguyễn Tuấn Anh		Chồng						
	Nguyễn Anh Nguyên		Con ruột						
	Nguyễn Tuấn Nguyên		Con ruột						
	Ngô Hùng		Anh ruột						
	Ngô Thị Ngọc Huyền		Chị ruột						
	Ngô Nguyệt Hằng		Chị ruột						
	Ngô Thanh Hà		Chị ruột						
	Ngô Thị Thanh Hương		Chị ruột						
	Từ Dạ Ái		Chị dâu						
	Nguyễn Văn Sơn		Anh rể						
	Nguyễn Văn Quang		Anh rể						
	Nguyễn Văn Chính		Anh rể						
	Nguyễn Minh Ứng		Anh rể						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (**)	Phó phòng TC - KT		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
	Công ty Cp Kinh doanh Tổng hợp Ninh Thuận	Kiểm soát viên							
2	Nguyễn Đức Linh	Trưởng BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Việt Anh		Cha ruột						đã mất
	Nguyễn Thị Thúy Hồng		Mẹ ruột						
	Huỳnh Kim Hoa		Mẹ vợ						
	Bùi Anh Tu		Cha vợ						đã mất
	Bùi Thị Minh Tâm		Vợ						
	Nguyễn Ngọc Như Ý		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Tường Vân		Con ruột						
	Nguyễn Thị Kim Chi		Chị ruột						
	Nguyễn Thị Kim Loan		Chị ruột						
	Nguyễn Đức Tài		Em ruột						
	Nguyễn Thị Kim Phượng		Chị ruột						
	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		Em dâu						
	Nguyễn Hữu Phước		Em rể						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN(*)	Trưởng Ban KS nội bộ		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
3	Bùi Huy Thắng	UV BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Trần Thị Nguyệt Hằng		Mẹ ruột						
	Bùi Xuân Ngợi		Cha ruột						đã mất

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2022	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2022	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Lê Quang Hoanh		Cha vợ						
	Lý Thị Kiều Chinh		Mẹ vợ						
	Lê Thị Bích Phượng		Vợ						
	Bùi Lê My An		Con ruột						
	Bùi Huy Hải		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Chị dâu						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín	UV BKS							
V	Thư ký Công ty								
	Trần Thị Hồng Linh	Thư ký Công ty		66.170	0	0	66.170	0,47	
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Trần Quang Kéo		Cha ruột						đã mất
	Lê Thị Kim Lụa		Mẹ ruột						đã mất
	Trần Thị Tố Như		Con ruột	11.460	0	0	11.460	0,08	
	Trần Thị Thái		Em ruột						
	Trần Văn Nguyên		Em ruột						
	Trần Thị Thanh Kim		Em ruột						
	Trần Thị Hồng Chi		Em ruột						
	Trần Thị Thanh Nam		Em ruột						
	Trần Công Tường		Em rể						
	Hà Thị Hiền		Em dâu						
	Trình Hữu Cường		Em rể						
	Trần Đăng Khoa		Em rể						
	Đỗ Trọng Dũng		Em rể						
VI	Tiểu ban Kiểm toán nội bộ								
1	Phan Dũng Tiến	Trưởng ban		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phan Văn Bảo		Bố ruột						Đã mất
	Phan Thị Hòa Bình		Mẹ ruột						
	Lê Kim Chi		Bố vợ						
	Dương Thị Ngọc Minh		Mẹ vợ						
	Lê Minh Châu		Vợ						
	Phan Anh Thư		Con ruột						
	Phan Minh Anh		Con ruột						
	Phan Anh Dũng		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Phương Dung		Chị dâu						
	Lê Quốc Hưng		Em vợ						
2	Nguyễn Thị Kim Thiện	Thành viên			0	0	130	0,001	
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Văn Thum		Cha ruột						Đã mất
	Phạm Thị Kiều		Mẹ ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2022	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2022	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Lê Hoàng Quang Luật		Chồng						
	Lê Văn Sơn		Cha chồng						
	Hoàng Linh Thương		Mẹ chồng						
	Lê Nguyễn Đăng Khoa		Con ruột						
	Lê Nguyễn Minh Đăng		Con ruột						
	Nguyễn Hiếu Thiện		Anh ruột						
	Nguyễn Chí Thiện		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Mỹ Thiện		Chị ruột						
	Nguyễn Thị Phượng Diễm		Chị dâu						
	Lê Hoàng Thu Thủy		Chị chồng						
3	Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Minh Thuận		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Đẹp		Mẹ ruột						
	Nguyễn Trọng Hiệp		Cha chồng						Đã mất
	Đỗ Thị Kim Anh		Mẹ chồng						
	Nguyễn Việt Cường		Chồng						
	Nguyễn Việt Phương		Con ruột						
	Nguyễn Anh Phương		Con ruột						
	Nguyễn Trọng Phương		Con ruột						
	Nguyễn Vĩnh Duy		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Thảo		Chị dâu						
	Nguyễn Trọng Tuyên		Em ruột						
	Trương Thị Thủy Huỳnh		Em dâu						
	Nguyễn Đặc Luân		Em ruột						

Ghi chú :

- (*): Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) sở hữu tổng số 6.325.016 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Lê Văn Nghĩa (Chủ tịch HĐQT COMECO) 3.500.816 cp, ông Lê Văn Bách (UV.HĐQT COMECO) 2.824.200 cp.

- (**): Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) sở hữu tổng cộng: 5.598.757 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Lý Vĩnh Hòa (Thành viên HĐQT COMECO): 3.359.254 cp, ông Huỳnh Ngọc Thành (Thành viên HĐQT COMECO): 2.239.503 cp.

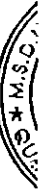


Lê Tấn Thương

Phần 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU
Năm 2022



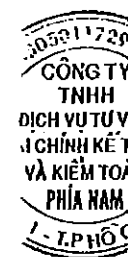
Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028).38205.944 - 38205.947; Fax:(028). 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2022	12 – 36



31
31
31
31
31
31

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được thành lập theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13 tháng 12 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 20 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chl khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ôtô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ôtô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc Lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

Trụ sở chính tại: Số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Phạm Văn Thoại	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Lý Vĩnh Hòa	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Lê Văn Bách	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Huỳnh Ngọc Thành	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Lê Tấn Thương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Bà Trần Thị Phương Khanh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2022)
Ông Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2018)
Ông Nguyễn Chơn Quang	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 03 năm 2020)

Các thành viên Ban kiểm soát

Bà Ngô Phương Hạnh	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Đức Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Bùi Huy Thắng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)

Các thành viên của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Ông Phan Dũng Tiến	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Kim Thiệp	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2022)
Bà Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2022)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế Toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

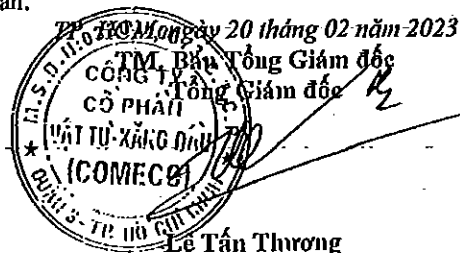
Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Số: 62/BCKT/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP(Về Báo cáo tài chính năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
của Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu)**Kính gửi:** Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) được lập ngày 20 tháng 02 năm 2023 từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

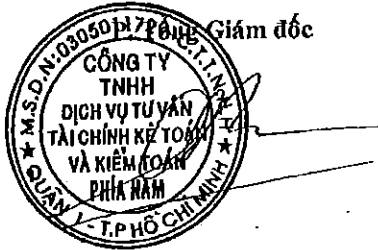
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

330501
CÔNG
TY
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH
VÀ KIỂM
TOÁN
PHÍA
NAM

11.12.2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2023
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Giám đốc

Nguyễn Thị Tuyết

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0624-2023-142-1

Kiểm toán viên

Đàm Minh Thúy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1547-2023-142-1



1547-2023-142-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		234.010.461.584	228.016.833.488
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	91.475.284.081	85.187.977.498
1. Tiền	111		47.475.284.081	23.187.977.498
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.000.000.000	62.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.112.262.325	15.647.939.770
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	19.346.704.000	19.346.704.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(5.234.441.675)	(3.698.764.230)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.096.682.842	19.338.939.622
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	53.450.868.785	53.484.977.669
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	3.197.290.057	1.405.437.953
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(35.551.476.000)	(35.551.476.000)
IV. Hàng tồn kho	140		97.265.919.374	101.014.148.812
1. Hàng tồn kho	141	V.6	97.265.919.374	101.014.148.812
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.060.312.962	6.827.827.786
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.077.214.025	6.827.827.786
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.983.098.937	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		292.029.460.572	307.081.986.487
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.600.000.000	1.500.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.600.000.000	1.500.000.000
II. Tài sản cố định	220		233.432.216.616	241.226.847.971
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	117.469.187.875	122.080.329.549
- Nguyên giá	222		220.398.973.931	217.448.258.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.929.786.056)	(95.367.928.451)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	115.963.028.741	119.146.518.422
- Nguyên giá	228		139.291.025.363	139.291.025.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.327.996.622)	(20.144.506.941)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.209.846.808	13.394.513.539
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	16.209.846.808	13.394.513.539
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		599.203.763	10.713.918.317
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b		10.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	12.000.000.000	12.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.400.796.237)	(11.286.081.683)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		40.188.193.385	40.246.706.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	38.472.125.928	38.904.605.127
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.716.067.457	1.342.101.533
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		526.039.922.156	535.098.819.975

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		91.302.670.194	62.844.806.712
I. Nợ ngắn hạn	310		77.182.042.194	48.724.178.712
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	33.510.372.430	9.710.437.050
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.228.615.036	2.229.961.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	444.333.827	3.234.604.099
4. Phải trả người lao động	314	V.15	17.057.418.708	15.864.045.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17		647.846.193
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	10.055.769.082	8.058.721.265
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11		
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.19	8.885.533.111	8.978.563.003
II. Nợ dài hạn	330		14.120.628.000	14.120.628.000
7. Phải trả dài hạn khác	337			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	14.120.628.000	14.120.628.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		434.737.251.962	472.254.013.263
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	434.737.251.962	472.254.013.263
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.484.038.434	135.484.038.434
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		21.242.445.149	21.242.445.149
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20e	99.685.822.404	99.685.822.404
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.118.665.975	74.635.427.276
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.350.171.276	26.666.648.491
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		768.494.699	47.968.778.785
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		526.039.922.156	535.098.819.975

501
CỔN
TA
CH VI
CHIN
VÀ KI
PHI
J - T.

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phạm Công Quyền



Trưởng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lê Tấn Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.815.945.175.081	2.660.299.645.974
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	314.784.546	617.540.956
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	4.815.630.390.535	2.659.682.105.018
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	4.683.228.396.568	2.482.573.180.287
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		132.401.993.967	177.108.924.731
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	7.918.647.840	1.511.350.808
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	2.080.058.230	(1.277.061.428)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		40.684.932	
8. Chi phí bán hàng	25	VI.9a	121.723.024.289	119.485.431.602
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9b	15.760.050.617	13.770.672.295
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		757.508.671	46.641.233.070
11. Thu nhập khác	31	VI.7	680.286.721	3.283.125.478
12. Chi phí khác	32	VI.8	502.367.021	835.480
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		177.919.700	3.282.289.998
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		935.428.371	49.923.523.068
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	30.899.596	10.102.987.222
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(373.965.924)	(373.965.924)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.14	1.278.494.699	40.194.501.770
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	54	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



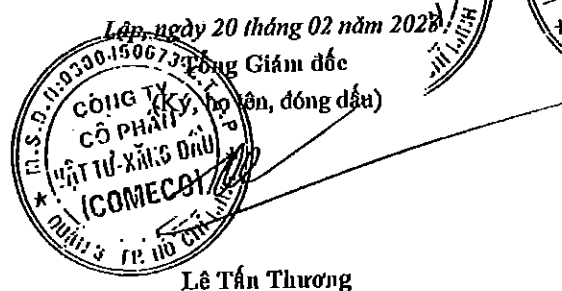
Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phạm Công Quyền

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2023
 Tổng Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Tấn Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị (tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		935.428.371	49.923.523.068
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		10.745.347.286	10.979.527.577
- Các khoản dự phòng	03		1.650.391.999	(2.469.273.670)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.918.647.840)	(1.511.350.808)
- Chi phí lãi vay	06		40.684.932	
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.453.204.748	56.922.426.167
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.090.228.396)	4.567.211.575
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.748.229.438	(21.157.458.791)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		32.431.859.175	6.605.159.222
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		432.479.199	1.470.644.688
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			(1.187.520.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(40.684.932)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.801.941.397)	(9.873.226.863)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.757.029.892)	(7.879.821.352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.375.887.943	29.467.414.646
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.766.049.200)	(4.567.211.575)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.918.647.840	1.511.350.808
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.152.598.640	(3.055.860.767)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		30.000.000.000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(30.000.000.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(28.241.180.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.241.180.000)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		6.287.306.583	26.411.553.879
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		85.187.977.498	58.776.423.619
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	91.475.284.081	85.187.977.498

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


Phạm Công Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được thành lập theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13 tháng 12 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 20 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 141.206.280.000 đồng (Một trăm bốn mươi một tỷ hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh: : Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ôtô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ôtô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán lẻ hàng gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc Lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



11/11/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại (lưu phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.1 Các khoản chi vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

4. **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:** Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

- 5.1 **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

- 5.2 **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

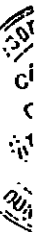
- 5.3 **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- 5.4 **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. **Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

- 6.1 **Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

10.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

10.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

khoản; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

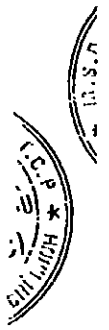
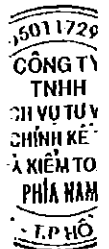
b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. TIỀN		
* Tiền mặt (VND)	3.942.290	17.916.151
* Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)	29.673.106.636	15.313.227.818
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	67.384.879	2.515.861.178
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	11.723.470.618	1.869.323.759
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Quận 10	94.917.232	1.609.984.352
- Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	7.527.171	6.635.617
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - CN Sài Gòn	56.871.400	56.805.100
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - PGD Lý Thái Tổ	1.164.495	1.163.095
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Quận 10	4.852.511.239	3.508.915.750
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - CN Hồ Chí Minh	1.142.604	1.141.400
- Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng	10.750.737.684	2.882.394.600
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM	187.745.613	1.002.905
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - CN Quận 3	1.929.633.701	2.860.000.000
* Tiền đang chuyển	17.798.235.155	7.856.833.529
* Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi NH kỳ hạn dưới 3 tháng)	44.000.000.000	62.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - CN Quận 3	44.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Quận 4		42.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Quận 10		20.000.000.000
Cộng	91.475.284.081	85.187.977.498

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND	
	Số lượng Cp (CP)	Tỷ lệ % vốn năm giữ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ % vốn năm giữ	Giá gốc		Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh								
- Cổ phiếu								
Công ty CP Cà Phê Petec (PCF)	43.800		5.234.441.675	14.112.262.325		19.346.704.000	3.698.764.230	15.647.939.770
Công ty CP Bến Xe Miền Tây (WCS)	5.000		319.476.600	124.523.400		444.000.000	69.203.400	374.796.600
Công ty CP XNK Thủ Đức (TMC)	264.752		2.386.859.400	3.388.825.600		87.500.000		87.500.000
Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu (PMS)	176.942		96.901.000	3.892.724.000		5.775.685.000	2.413.334.600	3.362.350.400
Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau (CMV)	356.256		789.955.200	3.847.564.800		3.989.625.000		3.989.625.000
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh (HAX)	16.013		46.600.000	46.600.000		4.637.520.000		4.637.520.000
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn (PMS)	200.000		2.000.000.000	2.000.000.000		46.600.000		46.600.000
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Nam Định (PND)	17.540		108.547.000	164.052.000		2.000.000.000	23.116.480	2.000.000.000
Tổng Công ty CP Thương Mại Kỳ Thuật Và Đầu Tư PETEC (PEG)	99.675		1.532.702.475	560.472.525		272.599.000		249.482.520
						2.093.175.000	1.193.109.750	900.065.250
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu Dầu Khí Việt Nam			11.400.796.237	599.203.763		72.000.000.000	11.286.081.683	10.713.918.317
						10.000.000.000		10.000.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác								
Công ty CP CK Ô tô Cần Thơ (*)	200.000	6,01%	1.400.796.237	599.203.763		10.000.000.000	11.286.081.683	713.918.317
Công ty CP Vận Tải Việt Tin (*)	1.000.000	14,93%	10.000.000.000			10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

Ghi chú:

(*) Các khoản đầu tư thuộc công ty chưa niêm yết, tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chưa thực hiện được báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022; Do vậy, mức trích dự phòng này được tạm trích căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2021 (mức trích lập dự phòng này có thể thay đổi khi thu thập được báo cáo tài chính của đơn vị và sẽ được điều chỉnh vào kỳ sau "nếu có").

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Ngắn hạn

- * Phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng
- Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam
- Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị
- * Các khoản phải thu khách hàng khác

Cộng

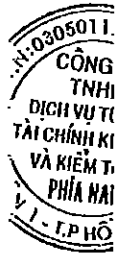
Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
53.450.868.785	53.484.977.669	
40.622.632.361	40.621.010.631	
35.551.476.000	35.551.476.000	
5.071.156.361	5.069.534.631	
12.828.236.424	12.863.967.038	
53.450.868.785	53.484.977.669	

4. PHẢI THU KHÁC

- a) Ngắn hạn
 - Phải thu tạm ứng
 - + Đào Mỹ Chi
 - + Nguyễn Thành Nhân
 - + Nguyễn Ngọc Thùy Chi
 - + Đối tượng khác
- Phải thu khác
- b) Dài hạn
 - Tiền đặt cọc thuê mặt bằng

Cộng

Giá trị	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị	Số đầu năm	Dự phòng
3.197.290.057			1.405.437.953		
3.169.584.837			220.341.000		
2.894.524.989					
120.000.000					
155.059.848			120.000.000		
27.705.220			100.341.000		
1.600.000.000			1.185.096.953		
1.600.000.000			1.500.000.000		
1.600.000.000			1.500.000.000		
4.797.290.057			2.905.437.953		



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Phải thu khách hàng						
- Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam (*)		35.551.476.000			35.551.476.000	
Cộng		35.551.476.000			35.551.476.000	

Ghi chú (*): Khoản nợ xấu đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% trên số dư nợ phải thu phát sinh theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HD-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn GTGT cho mỗi đợt giao hàng, được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL - HD/013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát Triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Sau khi thu được một phần tiền nợ là 6.712.080.000 VND và cần trừ bằng hàng hóa với giá trị là 4.381.982.000 VND, số tiền còn nợ là 38.878.946.000 VND chưa được Ngân hàng thanh toán thay như cam kết trong thư bảo lãnh; Do vậy, ngày 01/9/2012 Công ty đã khởi kiện yêu cầu Ngân Hàng HD Bank thanh toán theo cam kết bảo lãnh, vụ án đã được Tòa án nhân dân cấp cao Tp. Hà Nội xét xử (trong năm 2017, 2018, 2019 và 2021 đã thu hồi thêm số tiền là 3.327.470.000 VND, số dư còn lại là 35.551.476.000 VND đến nay chưa thu hồi được).

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	64.941.745.455		66.368.154.547	
- Hàng hóa	32.324.173.919		34.645.994.265	
Cộng	97.265.919.374		101.014.148.812	

7. TÀI SẢN DỪ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16.209.846.808	13.394.513.539
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	16.209.846.808	13.394.513.539
Cộng	16.209.846.808	13.394.513.539



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	165.093.219.069	24.588.230.257	23.811.998.083	3.954.810.591	217.448.258.000
- Mua trong năm					
- Cải tạo sửa chữa	2.950.715.931				2.950.715.931
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	168.043.935.000	24.588.230.257	23.811.998.083	3.954.810.591	220.398.973.931
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52.094.223.451	20.397.702.482	19.014.420.808	3.861.581.710	95.367.928.451
- Khấu hao trong năm	4.614.626.602	1.971.212.166	904.691.504	71.327.333	7.561.857.605
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	56.708.850.053	22.368.914.648	19.919.112.312	3.932.909.043	102.929.786.056
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	112.998.995.618	4.190.527.775	4.797.577.275	93.228.881	122.080.329.549
2. Tại ngày cuối năm	111.335.084.947	2.219.315.609	3.892.885.771	21.901.548	117.469.187.875

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 44.625.969.675 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Khoản mục	Quyền SD Đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm:	138.636.025.363		655.000.000		139.291.025.363
- Mua trong năm:					
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm:	138.636.025.363		655.000.000		139.291.025.363
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm:	19.526.027.763		618.479.178		20.144.506.941
- Khấu hao trong năm	3.146.968.859		36.520.822		3.183.489.681
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm:	22.672.996.622		655.000.000		23.327.996.622
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	119.109.997.600		36.520.822		119.146.518.422
2. Tại ngày cuối năm	115.963.028.741				115.963.028.741

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 924.528.583 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)
 Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

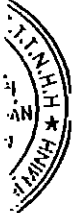
* Đại hạn

- Giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất một lần (*)
 - Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ

Đơn vị tính: VND	
Số cuối năm	Số đầu năm
38.472.125.928	38.904.605.127
37.383.034.580	38.618.998.772
1.089.091.348	285.606.355
38.472.125.928	38.904.605.127

Ghi chú (*): Đây là giá trị quyền sử dụng đất thuê đã trả tiền thuê cho cả thời gian thuê đất (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

STT	Vị trí đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Cơ quan cấp giấy CN quyền SD đất	Trị giá	Giá trị còn lại
1	Thửa số 4822 Tờ bản đồ số 2 Địa chỉ Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An	3.314 m ²	Đến 10/9/2058	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An	14.950.206.278	14.581.679.969
2	Thửa số 106 Tờ bản đồ số 40 Địa chỉ Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	3.872 m ²	Đến 01/01/2046	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Đồng Nai	9.678.679.000	6.179.992.584
3	Thửa số 378 Tờ bản đồ số 2 Địa chỉ Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	614 m ²	Đến 04/09/2052	Ủy ban Nhân dân Tp.HCM	2.248.400.000	579.755.355
4	Thửa số 1773 Tờ bản đồ số 3 Địa chỉ Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	2.500 m ²	Đến 04/4/2053	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An	17.500.000.000	16.041.666.672
Tổng					44.371.285.278	37.383.034.580



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)
 Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

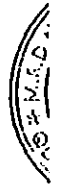
Năm 2022

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm
	Số tiền	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
* Ngân hạn					
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (*)			30.000.000.000	50.000.000.000	
Cộng			30.000.000.000	30.000.000.000	

Ghi chú:

- (*) Vay ngân hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Quận 4 theo hợp đồng tín dụng số: 1402-LAV220043747 ngày 23 tháng 05 năm 2022, cụ thể:
 - Tổng hạn mức cấp tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - Mục đích cấp hạn mức cấp tín dụng:
 - + Mục đích của từng lần cấp vốn vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định trong Khế ước nhận nợ
 - + Mục đích của từng lần phát hành cam kết bảo lãnh, thư tín dụng: được quy định cụ thể trong Giấy đề nghị phát hành cam kết bảo lãnh của khách hàng, cam kết bảo lãnh, hợp đồng phát hành thư tín dụng, thư tín dụng
 - Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng;
 - Thời hạn cho vay của từng lần nhận nợ cụ thể: không quá 03 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ
 - Lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân: theo quy định tại Khế ước nhận nợ.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH TM DV Nam Giang	33.510.372.430	33.510.372.430	9.710.437.050	9.710.437.050
- Công ty CP Hóa Dầu Mèkong	1.442.607.430	1.442.607.430	752.373.050	752.373.050
* Phải trả người bán là các bên liên quan	691.925.000	691.925.000	822.604.000	822.604.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	31.375.840.000	31.375.840.000	8.135.460.000	8.135.460.000
- Công ty CP Dầu Nhớt PV OIL	30.553.040.000	30.553.040.000	7.772.460.000	7.772.460.000
Cộng	822.800.000	822.800.000	363.000.000	363.000.000
Cộng	33.510.372.430	33.510.372.430	9.710.437.050	9.710.437.050

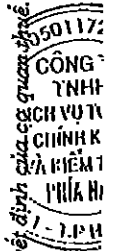
13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Ngân hạn		
- Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc	7.228.615.036	2.229.961.242
- Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	2.688.827.600	5.182.000
- Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Đồng Phong	630.907.201	7.930.001
- Các đối tượng khác	627.300.000	250.800.000
* Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	3.037.390.635	1.966.049.241
- Công ty TNHH Hai Thành Viên Anh Hòa	244.189.600	244.189.600
Cộng	7.228.615.036	2.229.961.242

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Số phát sinh trong năm	Phải thu	Phải nộp
* Thuế				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.234.604.099	17.178.549.892	22.951.919.101	444.333.827
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.634.776.232	12.634.776.232	2.983.098.937	
- Thuế thu nhập cá nhân	2.787.942.864	30.899.596	5.801.941.397	
- Tiền nhà đất, tiền thuê đất	152.970.648	4.469.874.064	4.472.201.472	
- Thuế môn bài	313.690.587			130.643.240
Cộng	3.234.604.099	43.000.000	22.951.919.101	313.690.587
Cộng	17.178.549.892	22.951.919.101	2.983.098.937	444.333.827

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG			
- Lương phải trả công nhân viên		17.057.418.708	15.864.045.860
Cộng		17.057.418.708	15.864.045.860
16. PHẢI TRẢ KHÁC			
* Ngắn hạn		10.055.769.082	8.058.721.265
- Phải trả khác		10.055.769.082	8.058.721.265
Cộng		10.055.769.082	8.058.721.265
17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN			
- Doanh thu nhận trước			647.846.193
Cộng			647.846.193
18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ			
* Dài hạn		14.120.628.000	14.120.628.000
- Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường		14.120.628.000	14.120.628.000
Cộng		14.120.628.000	14.120.628.000
19. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH			
- Quỹ khen thưởng		7.791.219.068	8.436.585.068
- Quỹ phúc lợi		1.094.314.043	541.977.935
Cộng		8.885.533.111	8.978.563.003

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)
Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Tổng Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
A	1	2	3	4	5	6	
Số dư đầu năm trước	141.206.280.000	135.484.038.434	99.685.822.404	21.242.445.149	44.995.202.521	442.613.788.508	
- Tăng vốn trong năm trước							
- Lãi trong năm trước					40.194.501.770	40.194.501.770	
- Tăng khác							
- Giảm vốn trong năm trước							
- Lỗ trong năm trước							
- Giảm khác							
Số dư đầu năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	99.685.822.404	21.242.445.149	10.554.277.015	10.554.277.015	
- Tăng vốn trong năm nay					74.635.427.276	472.254.013.263	
- Lãi trong năm nay					1.278.494.699	1.278.494.699	
- Tăng khác							
- Giảm vốn trong năm nay							
- Lỗ trong năm nay							
- Giảm khác (*)							
Số dư cuối năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	99.685.822.404	21.242.445.149	38.795.256.000	38.795.256.000	

(*) Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021 ngày 22 tháng 4 năm 2022, gồm:

- Tạm ứng 20% cổ tức
- Trích quỹ khen thưởng
- Trích quỹ phúc lợi
- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát
- Trích thưởng HĐQT Ban điều hành, Ban kiểm soát

Cộng:

Số tiền (VND)
28.241.256.000
7.455.600.000
828.400.000
510.000.000
1.760.000.000
38.795.256.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu			
- Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố (SAIGON PETRO)	39,65%	55.987.570.000	55.987.570.000
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV PVOIL	44,79%	63.250.160.000	63.250.160.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	15,56%	21.968.550.000	21.968.550.000
Cộng	100%	141.206.280.000	141.206.280.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- Cổ tức lợi nhuận đã chia

d/ Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

đ/ Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

e/ Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư và phát triển

	Năm nay	Năm trước
	141.206.280.000	141.206.280.000
	141.206.280.000	141.206.280.000
	28.241.256.000	
Số cuối năm		Số đầu năm
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	99.685.822.404	99.685.822.404
	99.685.822.404	99.685.822.404

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	4.790.976.554.403	2.642.868.324.525
	24.968.620.678	17.431.321.449
Cộng	4.815.945.175.081	2.660.299.645.974

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

	Năm nay	Năm trước
2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
- Chiết khấu hàng bán	314.784.546	617.540.956
Cộng	314.784.546	617.540.956
3. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
- Doanh thu bán hàng hóa	4.790.661.769.857	2.642.250.783.569
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.968.620.678	17.431.321.449
Cộng	4.815.630.390.535	2.659.682.105.018
4. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
- Giá vốn hàng hóa	4.666.913.793.367	2.470.655.207.428
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	16.314.603.201	11.917.972.859
Cộng	4.683.228.396.568	2.482.573.180.287
5. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.466.196.540	232.540.808
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.148.451.300	1.278.810.000
- Lãi bán cổ phiếu	5.304.000.000	
Cộng	7.918.647.840	1.511.350.808
6. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
- Lãi tiền vay	40.684.932	
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(474.547.005)	
- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.124.939.004	(1.318.559.134)
- Chi phí bán cổ phiếu	350.000.000	
- Chi phí tài chính khác	38.981.299	41.497.706
Cộng	2.080.058.230	(1.277.061.428)
7. THU NHẬP KHÁC		
- Thu phạt hợp đồng		1.354.989.270
- Thu hỗ trợ bán hàng	680.000.000	
- Thu nhập khác	286.721	1.928.136.208
Cộng	680.286.721	3.283.125.478
8. CHI PHÍ KHÁC		
- Phạt vi phạm hành chính	101.361.904	
- Truy thu thuế GTGT	400.909.927	
- Chi phí khác	95.190	835.480
Cộng	502.367.021	835.480

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

9. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân công

- Chi phí khấu hao

- Các khoản chi phí bán hàng khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
59.634.770.716	63.013.646.659
10.884.034.360	10.470.331.132
51.204.219.213	46.001.453.811
121.723.024.289	119.485.431.602

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý

- Chi phí khấu hao

- Dự phòng phải thu khó đòi

- Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
11.771.212.834	12.198.990.192
173.273.136	171.874.848
	(1.300.000.000)
3.815.564.647	2.699.807.255
15.760.050.617	13.770.672.295

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu

- Chi phí nhân công

- Chi phí khấu hao TSCĐ

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
950.729.887	2.417.885.519
87.242.171.847	86.677.227.485
10.745.347.286	10.979.527.577
35.061.278.379	25.127.026.604
20.718.124.128	30.788.774.686
154.717.651.527	155.990.441.871

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành

- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay

Cộng

Năm nay	Năm trước
	10.102.987.222
30.899.596	
30.899.596	10.102.987.222

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN

- Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi ...

- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Ghi chú: Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ... năm 2021 được trích vào năm 2022, chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi ... do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc trích lập các quỹ này.

Năm nay	Năm trước
1.278.494.699	40.194.501.770
510.000.000	10.554.000.000
768.494.699	29.640.501.770
14.120.628	14.120.628
54	2.099

13. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng

Năm nay	Năm trước
660.000.000	660.000.000
660.000.000	660.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

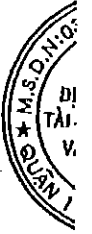
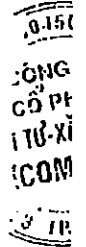
Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

3- Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính

	Giá trị số sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021	Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2021
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	91.475.284.081	85.187.977.498			91.475.284.081	85.187.977.498
- Phải thu của khách hàng	53.450.868.785	53.484.977.669	(35.551.476.000)	(35.551.476.000)	17.899.392.785	17.933.501.669
- Phải thu ngắn hạn khác	3.197.290.057	1.405.437.953			3.197.290.057	1.405.437.953
Cộng	148.123.442.923	140.078.393.120	(35.551.476.000)	(35.551.476.000)	112.571.966.923	104.526.917.120
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	33.510.372.430	9.710.437.050			33.510.372.430	9.710.437.050
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	10.055.769.082	8.058.721.265			10.055.769.082	8.058.721.265
Cộng	43.566.141.512	17.769.158.315			43.566.141.512	17.769.158.315

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Các khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty, tổ chức của các tỉnh thành trong khu vực phía Nam, có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong lĩnh vực xăng dầu, đồng thời các khách hàng này cũng được xem xét và đánh giá khả năng thanh toán định kỳ nên những rủi ro về phải thu khó đòi từ khách hàng rất ít.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đón đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi lại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)*Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.***b.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 31/12/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	91.475.284.081		91.475.284.081
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.648.158.842	1.600.000.000	58.248.158.842
Đầu tư ngắn hạn	14.112.262.325		14.112.262.325
Đầu tư dài hạn		599.203.763	599.203.763
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	162.235.705.248	2.199.203.763	164.434.909.011
Tại 01/01/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.187.977.498		85.187.977.498
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.890.415.622	1.500.000.000	54.890.415.622
Đầu tư ngắn hạn	15.647.939.770		15.647.939.770
Đầu tư dài hạn		10.713.918.317	10.713.918.317
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	155.726.332.890	12.213.918.317	166.440.251.207

4. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2022 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền



Lê Tấn Thương

**HỆ THỐNG CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO
(CỬA HÀNG XĂNG DẦU)**

CN XD	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN THOẠI	TG BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG
Số 01	Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, P.1, Q.10, TP.HCM	38 359 704	*
Số 03	178/9M Điện Biên Phủ, P.21, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	38 994 332	*
Số 04	46 Lê Quang Sung, P.2, Q.6, TP.HCM	39 693 884	*
Số 06	710 Hồng Bàng, P.1, Q.11, TP.HCM	39 691 767	*
Số 07	49 Trường Chinh, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 490 097	*
Số 08	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, TP.HCM	38 550 466	*
Số 09	79 Lý Thường Kiệt, P. 8, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 645 289	*
Số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	35 114 907	18/04/2003
Số 12	28 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM	38 756 890	*
Số 14	450 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 029	*
Số 15	526 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 038	*
Số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, P.11, Q.3, TP.HCM	39 316 365	*
Số 17	70 Bạch Đằng, P.24, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	38 990 983	*
Số 20	667A, Quốc lộ 1A, KP 3, P.Linh Xuân, Tp.Thủ Đức, TP.HCM	37 240 479	21/08/1993
Số 21	691 Quang Trung, P.8, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 968 014	01/09/1999
Số 22	315 Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 873 006	16/08/2001
Số 24	Ấp 5 Xã Đức Hòa Đông, H. Đức Hòa, Tỉnh Long An	0272 3779 913	18/02/2003
Số 25	26 Hồ Học Lãm, P.16, Q.8, TP.HCM	37 523 952	10/09/2004
Số 26	17/3 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, H.Nhà Bè, TP.HCM	37 828 493	16/03/2004
Số 27	949 Dương Công Khi, Ấp Nhị Tân 1, Xã Tân Thới Nhì, H.Hóc Môn, TP.HCM	37 132 961	06/11/2004
Số 29	318 Hương lộ 80, P.Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP.HCM	37 655 868	27/04/2011
Số 30	22 Hương lộ 2, Xã Phước Vĩnh An, H.Củ Chi, TP.HCM	37 905 836	08/06/2004
Số 33	836 QL 1A, Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, H.Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	0251 2660 919	25/06/2011
Số 34	1135 Quốc lộ 1A, P.Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM	37 505 046	01/02/2010
Số 35	Km 152, QL 20, KP 1, TT Madagui, H.Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	0263 3946 239	12/11/2011
Số 36	164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0275 3545 494	07/12/2011
Số 37	Thửa số 646 Quốc lộ 60, Ấp Tân Long 2, Xã Tân Thành Bình, H.Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre	0275 3670 909	07/01/2012
Số 38	Ấp Vinh Phước, Xã Phước Lý, H.Cần Giuộc, Tỉnh Long An	0272 3892 959	16/09/2011
Số 39	Quốc lộ 1A, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, H.Bến Lức, Tỉnh Long An	0272 3644 674	25/04/2012
Số 40	348A Thạch Lam, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM	39 761 217	04/12/2012
Số 44	Góc đường số 1 và Đường tỉnh 818, KCN Hòa Bình, Xã Nhị Thành H.Thủ Thừa, Tỉnh Long An	0272 365 5544	07/09/2019
Số 45	Đường số 2, KCN Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức H. Bến Lức, Tỉnh Long An	0272 363 5565	06/07/2019
Số 46	344A đường Tân Hòa Đông, KP12, P.Bình Trị Đông Q. Bình Tân, TP.HCM	36 364 846	13/10/2022

TỔNG CỘNG: 33 CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO

Ghi chú:

- (*) : 12 CNXD được tiếp quản sau ngày Giải phóng Miền Nam 30/4/1975.

0
A



0
A

0
A